

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung (1) | Dự toán | Quyết toán | So sánh | |
|------------|--|------------------------|------------------------|-----------------------|---------------|
| | | | | Tuyệt đối | Tương đối (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3=2-1 | 4=2/1 |
| A | TỔNG NGUỒN THU NSDP | 268.757.368.950 | 260.337.719.984 | -8.419.648.966 | 96,9% |
| I | Thu NSDP được hưởng theo phân cấp | 0 | 0 | 0 | |
| - | Thu NSDP hưởng 100% | 0 | | 0 | |
| - | Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia | 0 | | 0 | |
| II | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 268.757.368.950 | 260.337.719.984 | -8.419.648.966 | 96,9% |
| 1 | Thu bổ sung cân đối ngân sách | 32.037.000.000 | 32.037.000.000 | 0 | 100,0% |
| 2 | Thu bổ sung có mục tiêu | 236.720.368.950 | 228.300.719.984 | -8.419.648.966 | 96,4% |
| III | Thu từ quỹ dự trữ tài chính | 0 | | 0 | |
| IV | Thu kết dư | | | 0 | |
| V | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | 0 | 0 | 0 | |
| B | TỔNG CHI NSDP | 266.983.985.860 | 258.454.428.497 | -8.529.557.363 | 96,8% |
| I | Tổng chi cân đối NSDP | 31.526.356.093 | 29.829.058.513 | -1.697.297.580 | 94,6% |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | | 0 | 0 | |
| 2 | Chi thường xuyên | 31.526.356.093 | 29.829.058.513 | -1.697.297.580 | 94,6% |
| II | Chi các chương trình mục tiêu | 235.132.979.767 | 228.078.719.984 | -7.054.259.783 | 97,0% |
| 1 | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia | | | 0 | |
| 2 | Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ | 235.132.979.767 | 228.078.719.984 | -7.054.259.783 | 97,0% |
| III | Chi chuyển nguồn sang năm sau | | 222.000.000 | 222.000.000 | |
| IV | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | | | 0 | |
| V | Chi nộp ngân sách cấp trên | 324.650.000 | 324.650.000 | | 100,0% |
| C | KẾT DƯ NGÂN SÁCH | 1.773.383.090 | 1.883.291.487 | 109.908.397 | 106,2% |

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Dự toán | | Quyết toán | | So sánh (%) | |
|----------|--|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|----------------|--------------|
| | | Tổng thu NSNN | Thu ngân sách phường | Tổng thu NSNN | Thu ngân sách phường | Tổng thu NSNN | Thu NSDP |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| | TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D+E+F) | 308.301.368.950 | 268.757.368.950 | 1.769.611.072.393 | 260.337.719.984 | 574,0% | 96,9% |
| A | TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN | 39.544.000.000 | 0 | 1.509.273.352.409 | 0 | 3816,7% | |
| I | Thu nội địa | 39.544.000.000 | 0 | 1.507.773.352.409 | 0 | 3812,9% | |
| 1 | Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý | 0 | 0 | 35.988.005.268 | 0 | | |
| - | Thuế giá trị gia tăng | | | 14.967.057.480 | | | |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 21.020.947.788 | 0 | | |
| - | Thuế tiêu thụ đặc biệt | | | | | | |
| - | Thuế tài nguyên | | | | | | |
| 2 | Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý | 0 | 0 | 5.036.047.994 | 0 | | |
| - | Thuế giá trị gia tăng | | | 3.592.374.209 | | | |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 1.443.673.785 | | | |
| 3 | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 0 | 0 | 14.291.727.441 | 0 | | |
| - | Thuế giá trị gia tăng | | | 6.622.270.617 | | | |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 7.669.456.824 | | | |
| 4 | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh | 0 | 0 | 245.077.064.473 | 0 | | |
| - | Thuế giá trị gia tăng | | | 181.343.475.496 | | | |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 63.270.849.383 | | | |

| STT | Nội dung | Dự toán | | Quyết toán | | So sánh (%) | |
|-----|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------|----------|
| | | Tổng thu NSNN | Thu ngân sách phường | Tổng thu NSNN | Thu ngân sách phường | Tổng thu NSNN | Thu NSDP |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| - | Thuế tiêu thụ đặc biệt | | | 115.046.594 | | | |
| - | Thuế tài nguyên | | | 347.693.000 | | | |
| 5 | Thuế thu nhập cá nhân | | | 136.741.756.105 | | | |
| 6 | Thuế bảo vệ môi trường | 0 | 0 | 272.564.074 | 0 | | |
| - | <i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước</i> | 0 | 0 | 13.074 | | | |
| - | <i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu</i> | 0 | 0 | 272.551.000 | | | |
| 7 | Lệ phí trước bạ | 27.977.000.000 | | 65.650.551.130 | | 234,7% | |
| - | <i>Lệ phí trước bạ nhà đất</i> | <i>27.977.000.000</i> | | <i>29.698.000.000</i> | | <i>106,2%</i> | |
| 8 | Thu phí, lệ phí | 1.249.000.000 | | 19.080.172.966 | - | 1527,6% | |
| 9 | Thuế sử dụng đất nông nghiệp | 0 | | 0 | | | |
| 10 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 9.944.000.000 | | 6.101.987.340 | | 61,4% | |
| 11 | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước | | | 30.647.619.622 | | | |
| 12 | Thu tiền sử dụng đất | | | 929.736.535.370 | | | |
| 13 | Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước | | | 0 | | | |
| 14 | Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết | | | 0 | | | |
| 15 | Thu hồi vốn lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN | | | 5.000.000 | 0 | | |

| STT | Nội dung | Dự toán | | Quyết toán | | So sánh (%) | |
|------------|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|---------------|--------------|
| | | Tổng thu NSNN | Thu ngân sách phường | Tổng thu NSNN | Thu ngân sách phường | Tổng thu NSNN | Thu NSDP |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| 16 | Thu khác ngân sách | 324.000.000 | | 19.043.767.210 | | 5877,7% | |
| 17 | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | | | | | | |
| 18 | Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển | | | 1 | 0 | | |
| 19 | Thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất | 50.000.000 | | 100.553.415 | | 201,1% | |
| II | Các khoản thu huy động đóng góp | | | 1.500.000.000 | | | |
| III | Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| 1 | Thuế xuất khẩu | | | | | | |
| 2 | Thuế nhập khẩu | | | | | | |
| 3 | Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu | | | | | | |
| 4 | Thuế GTGT hàng nhập khẩu | | | | | | |
| 5 | Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt nam | | | | | | |
| 6 | Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu | | | | | | |
| 8 | Thu khác | | | | | | |
| IV | Thu viện trợ | | | | | | |
| B | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 268.757.368.950 | 268.757.368.950 | 260.337.719.984 | 260.337.719.984 | 96,9% | 96,9% |
| 1 | Bổ sung cân đối | 32.037.000.000 | 32.037.000.000 | 32.037.000.000 | 32.037.000.000 | 100,0% | 100,0% |
| 2 | Bổ sung mục tiêu | 236.720.368.950 | 236.720.368.950 | 228.300.719.984 | 228.300.719.984 | 96,4% | 96,4% |

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP THEO MỤC LỤC NSNN

Đơn vị: Đồng

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|----------------|-----------|------|----------|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| Tổng số | | | | 1.769.611.072.393 | 326.250.682.998 | 1.183.022.669.411 | 260.337.719.984 |
| Cấp I | | | | 65.897.029.779 | 49.863.365.336 | 16.033.664.443 | 0 |
| Cấp I | 009 | | | 35.886.995.449 | 31.185.705.977 | 4.701.289.472 | 0 |
| Cấp I | 009 | 1050 | | 8.905.045.435 | 6.055.430.895 | 2.849.614.540 | 0 |
| Cấp I | 009 | 1050 | 1052 | 8.905.045.435 | 6.055.430.895 | 2.849.614.540 | 0 |
| Cấp I | 009 | 1700 | | 5.786.379.634 | 3.934.738.144 | 1.851.641.490 | 0 |
| Cấp I | 009 | 1700 | 1701 | 5.786.379.634 | 3.934.738.144 | 1.851.641.490 | 0 |
| Cấp I | 009 | 2400 | | 11.221.887.500 | 11.221.887.500 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 2400 | 2416 | 31.482.000 | 31.482.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 2400 | 2418 | 2.400.000 | 2.400.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 2400 | 2421 | 11.188.005.500 | 11.188.005.500 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 2750 | | 50.447.000 | 50.447.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 2750 | 2767 | 10.427.000 | 10.427.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 2750 | 2768 | 40.020.000 | 40.020.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 2800 | | 7.076.050.000 | 7.076.050.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 2800 | 2827 | 7.076.050.000 | 7.076.050.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 4250 | | 60.000.000 | 60.000.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 4250 | 4254 | 3.500.000 | 3.500.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 4250 | 4263 | 47.000.000 | 47.000.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 4250 | 4278 | 5.750.000 | 5.750.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 4250 | 4299 | 3.750.000 | 3.750.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 4900 | | 2.787.185.880 | 2.787.152.438 | 33.442 | 0 |
| Cấp I | 009 | 4900 | 4931 | 104.504 | 71.062 | 33.442 | 0 |
| Cấp I | 009 | 4900 | 4943 | 3.413.618 | 3.413.618 | 0 | 0 |
| Cấp I | 009 | 4900 | 4949 | 2.783.667.758 | 2.783.667.758 | 0 | 0 |
| Cấp I | 010 | | | 6.645.976.399 | 4.611.116.892 | 2.034.859.507 | 0 |
| Cấp I | 010 | 1050 | | 4.646.720.373 | 3.159.769.853 | 1.486.950.520 | 0 |
| Cấp I | 010 | 1050 | 1052 | 4.646.720.373 | 3.159.769.853 | 1.486.950.520 | 0 |
| Cấp I | 010 | 1700 | | 1.706.329.396 | 1.160.303.985 | 546.025.411 | 0 |
| Cấp I | 010 | 1700 | 1701 | 1.706.329.396 | 1.160.303.985 | 546.025.411 | 0 |
| Cấp I | 010 | 4250 | | 287.040.455 | 287.040.455 | 0 | 0 |
| Cấp I | 010 | 4250 | 4254 | 287.040.455 | 287.040.455 | 0 | 0 |
| Cấp I | 010 | 4900 | | 5.886.175 | 4.002.599 | 1.883.576 | 0 |
| Cấp I | 010 | 4900 | 4931 | 5.886.175 | 4.002.599 | 1.883.576 | 0 |
| Cấp I | 012 | | | 161.446.649 | 109.783.719 | 51.662.930 | 0 |
| Cấp I | 012 | 1050 | | 111.083.000 | 75.536.440 | 35.546.560 | 0 |
| Cấp I | 012 | 1050 | 1052 | 111.083.000 | 75.536.440 | 35.546.560 | 0 |
| Cấp I | 012 | 1700 | | 24.087.000 | 16.379.160 | 7.707.840 | 0 |
| Cấp I | 012 | 1700 | 1701 | 24.087.000 | 16.379.160 | 7.707.840 | 0 |
| Cấp I | 012 | 4900 | | 26.276.649 | 17.868.119 | 8.408.530 | 0 |
| Cấp I | 012 | 4900 | 4917 | 680.494 | 462.735 | 217.759 | 0 |
| Cấp I | 012 | 4900 | 4918 | 24.354.334 | 16.560.947 | 7.793.387 | 0 |
| Cấp I | 012 | 4900 | 4924 | 1 | 0 | 1 | 0 |
| Cấp I | 012 | 4900 | 4931 | 1.241.820 | 844.437 | 397.383 | 0 |
| Cấp I | 014 | | | 3.842.803.502 | 2.466.074.564 | 1.376.728.938 | 0 |
| Cấp I | 014 | 1050 | | 3.403.594.121 | 2.314.444.000 | 1.089.150.121 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|-------|-----------|------|----------|---------------|---------------|---------------|-------|
| Cấp I | 014 | 1050 | 1052 | 3.403.594.121 | 2.314.444.000 | 1.089.150.121 | 0 |
| Cấp I | 014 | 1700 | | 217.839.067 | 148.130.564 | 69.708.503 | 0 |
| Cấp I | 014 | 1700 | 1701 | 217.839.067 | 148.130.564 | 69.708.503 | 0 |
| Cấp I | 014 | 3600 | | 217.870.314 | 0 | 217.870.314 | 0 |
| Cấp I | 014 | 3600 | 3601 | 217.870.314 | 0 | 217.870.314 | 0 |
| Cấp I | 014 | 4250 | | 3.500.000 | 3.500.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 014 | 4250 | 4254 | 3.500.000 | 3.500.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 016 | | | 12.419.330 | 8.445.144 | 3.974.186 | 0 |
| Cấp I | 016 | 4900 | | 12.419.330 | 8.445.144 | 3.974.186 | 0 |
| Cấp I | 016 | 4900 | 4931 | 12.419.330 | 8.445.144 | 3.974.186 | 0 |
| Cấp I | 017 | | | 41.060.000 | 27.920.800 | 13.139.200 | 0 |
| Cấp I | 017 | 1050 | | 41.060.000 | 27.920.800 | 13.139.200 | 0 |
| Cấp I | 017 | 1050 | 1052 | 41.060.000 | 27.920.800 | 13.139.200 | 0 |
| Cấp I | 019 | | | 483.419.732 | 328.725.417 | 154.694.315 | 0 |
| Cấp I | 019 | 1050 | | 230.752.828 | 156.911.923 | 73.840.905 | 0 |
| Cấp I | 019 | 1050 | 1052 | 230.752.828 | 156.911.923 | 73.840.905 | 0 |
| Cấp I | 019 | 1700 | | 252.666.904 | 171.813.494 | 80.853.410 | 0 |
| Cấp I | 019 | 1700 | 1701 | 252.666.904 | 171.813.494 | 80.853.410 | 0 |
| Cấp I | 022 | | | 25.049.910 | 17.033.938 | 8.015.972 | 0 |
| Cấp I | 022 | 1050 | | 25.049.910 | 17.033.938 | 8.015.972 | 0 |
| Cấp I | 022 | 1050 | 1052 | 25.049.910 | 17.033.938 | 8.015.972 | 0 |
| Cấp I | 023 | | | 5.399.303.991 | 3.704.027.507 | 1.695.276.484 | 0 |
| Cấp I | 023 | 1050 | | 1.759.676.452 | 1.196.579.984 | 563.096.468 | 0 |
| Cấp I | 023 | 1050 | 1052 | 1.759.676.452 | 1.196.579.984 | 563.096.468 | 0 |
| Cấp I | 023 | 1700 | | 3.538.062.539 | 2.405.882.523 | 1.132.180.016 | 0 |
| Cấp I | 023 | 1700 | 1701 | 3.538.062.539 | 2.405.882.523 | 1.132.180.016 | 0 |
| Cấp I | 023 | 4900 | | 101.565.000 | 101.565.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 023 | 4900 | 4949 | 101.565.000 | 101.565.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 025 | | | 1.608.079.476 | 1.106.791.313 | 501.288.163 | 0 |
| Cấp I | 025 | 1050 | | 1.101.576.793 | 749.072.214 | 352.504.579 | 0 |
| Cấp I | 025 | 1050 | 1052 | 1.101.576.793 | 749.072.214 | 352.504.579 | 0 |
| Cấp I | 025 | 1700 | | 435.707.663 | 296.281.205 | 139.426.458 | 0 |
| Cấp I | 025 | 1700 | 1701 | 435.707.663 | 296.281.205 | 139.426.458 | 0 |
| Cấp I | 025 | 2800 | | 3.991.200 | 0 | 3.991.200 | 0 |
| Cấp I | 025 | 2800 | 2802 | 3.991.200 | 0 | 3.991.200 | 0 |
| Cấp I | 025 | 2850 | | 3.000.000 | 0 | 3.000.000 | 0 |
| Cấp I | 025 | 2850 | 2864 | 3.000.000 | 0 | 3.000.000 | 0 |
| Cấp I | 025 | 4250 | | 56.016.125 | 56.016.125 | 0 | 0 |
| Cấp I | 025 | 4250 | 4254 | 45.625.875 | 45.625.875 | 0 | 0 |
| Cấp I | 025 | 4250 | 4268 | 6.500.000 | 6.500.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 025 | 4250 | 4272 | 3.890.250 | 3.890.250 | 0 | 0 |
| Cấp I | 025 | 4900 | | 7.787.695 | 5.421.769 | 2.365.926 | 0 |
| Cấp I | 025 | 4900 | 4918 | 4.028.134 | 2.739.129 | 1.289.005 | 0 |
| Cấp I | 025 | 4900 | 4931 | 2.650.999 | 1.802.678 | 848.321 | 0 |
| Cấp I | 025 | 4900 | 4943 | 879.962 | 879.962 | 0 | 0 |
| Cấp I | 025 | 4900 | 4944 | 228.600 | 0 | 228.600 | 0 |
| Cấp I | 035 | | | 39.614.880 | 26.938.118 | 12.676.762 | 0 |
| Cấp I | 035 | 1700 | | 39.614.880 | 26.938.118 | 12.676.762 | 0 |
| Cấp I | 035 | 1700 | 1701 | 39.614.880 | 26.938.118 | 12.676.762 | 0 |
| Cấp I | 121 | | | 92.927.815 | 0 | 92.927.815 | 0 |
| Cấp I | 121 | 3600 | | 92.927.815 | 0 | 92.927.815 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|-------|-----------|------|----------|---------------|---------------|---------------|-------|
| Cấp I | 121 | 3600 | 3601 | 92.927.815 | 0 | 92.927.815 | 0 |
| Cấp I | 125 | | | 823.115.034 | 594.875.549 | 228.239.485 | 0 |
| Cấp I | 125 | 1050 | | 70.000.000 | 47.600.000 | 22.400.000 | 0 |
| Cấp I | 125 | 1050 | 1052 | 70.000.000 | 47.600.000 | 22.400.000 | 0 |
| Cấp I | 125 | 1700 | | 480.542.946 | 326.769.202 | 153.773.744 | 0 |
| Cấp I | 125 | 1700 | 1701 | 480.542.946 | 326.769.202 | 153.773.744 | 0 |
| Cấp I | 125 | 2000 | | 272.551.000 | 220.492.008 | 52.058.992 | 0 |
| Cấp I | 125 | 2000 | 2025 | 272.551.000 | 220.492.008 | 52.058.992 | 0 |
| Cấp I | 125 | 4900 | | 21.088 | 14.339 | 6.749 | 0 |
| Cấp I | 125 | 4900 | 4917 | 8.014 | 5.449 | 2.565 | 0 |
| Cấp I | 125 | 4900 | 4939 | 13.074 | 8.890 | 4.184 | 0 |
| Cấp I | 140 | | | 82.159.716 | 55.868.606 | 26.291.110 | 0 |
| Cấp I | 140 | 1700 | | 82.159.716 | 55.868.606 | 26.291.110 | 0 |
| Cấp I | 140 | 1700 | 1701 | 82.159.716 | 55.868.606 | 26.291.110 | 0 |
| Cấp I | 151 | | | 3.513.659.079 | 1.706.351.603 | 1.807.307.476 | 0 |
| Cấp I | 151 | 1700 | | 2.508.776.915 | 1.705.968.302 | 802.808.613 | 0 |
| Cấp I | 151 | 1700 | 1701 | 2.508.776.915 | 1.705.968.302 | 802.808.613 | 0 |
| Cấp I | 151 | 3600 | | 1.004.318.484 | 0 | 1.004.318.484 | 0 |
| Cấp I | 151 | 3600 | 3601 | 1.004.318.484 | 0 | 1.004.318.484 | 0 |
| Cấp I | 151 | 4900 | | 563.680 | 383.301 | 180.379 | 0 |
| Cấp I | 151 | 4900 | 4917 | 481.633 | 327.510 | 154.123 | 0 |
| Cấp I | 151 | 4900 | 4918 | 82.047 | 55.791 | 26.256 | 0 |
| Cấp I | 158 | | | 4.133.093.576 | 1.810.868.324 | 2.322.225.252 | 0 |
| Cấp I | 158 | 1050 | | 457.834.811 | 311.327.671 | 146.507.140 | 0 |
| Cấp I | 158 | 1050 | 1052 | 457.834.811 | 311.327.671 | 146.507.140 | 0 |
| Cấp I | 158 | 1600 | | 10.967.393 | 0 | 10.967.393 | 0 |
| Cấp I | 158 | 1600 | 1603 | 10.967.393 | 0 | 10.967.393 | 0 |
| Cấp I | 158 | 1700 | | 2.192.995.419 | 1.491.236.881 | 701.758.538 | 0 |
| Cấp I | 158 | 1700 | 1701 | 2.192.995.419 | 1.491.236.881 | 701.758.538 | 0 |
| Cấp I | 158 | 3600 | | 1.459.084.522 | 0 | 1.459.084.522 | 0 |
| Cấp I | 158 | 3600 | 3601 | 1.459.084.522 | 0 | 1.459.084.522 | 0 |
| Cấp I | 158 | 4900 | | 12.211.431 | 8.303.772 | 3.907.659 | 0 |
| Cấp I | 158 | 4900 | 4918 | 10.364.959 | 7.048.172 | 3.316.787 | 0 |
| Cấp I | 158 | 4900 | 4931 | 1.846.472 | 1.255.600 | 590.872 | 0 |
| Cấp I | 161 | | | 2.278.665.260 | 1.549.492.370 | 729.172.890 | 0 |
| Cấp I | 161 | 1050 | | 1.584.111.130 | 1.077.195.565 | 506.915.565 | 0 |
| Cấp I | 161 | 1050 | 1052 | 1.584.111.130 | 1.077.195.565 | 506.915.565 | 0 |
| Cấp I | 161 | 1700 | | 694.554.130 | 472.296.805 | 222.257.325 | 0 |
| Cấp I | 161 | 1700 | 1701 | 694.554.130 | 472.296.805 | 222.257.325 | 0 |
| Cấp I | 162 | | | 392.327.620 | 269.710.776 | 122.616.844 | 0 |
| Cấp I | 162 | 1050 | | 363.886.086 | 247.442.535 | 116.443.551 | 0 |
| Cấp I | 162 | 1050 | 1052 | 363.886.086 | 247.442.535 | 116.443.551 | 0 |
| Cấp I | 162 | 1700 | | 19.289.416 | 13.116.802 | 6.172.614 | 0 |
| Cấp I | 162 | 1700 | 1701 | 19.289.416 | 13.116.802 | 6.172.614 | 0 |
| Cấp I | 162 | 4250 | | 9.150.000 | 9.150.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 162 | 4250 | 4254 | 9.150.000 | 9.150.000 | 0 | 0 |
| Cấp I | 162 | 4900 | | 2.118 | 1.439 | 679 | 0 |
| Cấp I | 162 | 4900 | 4918 | 31 | 21 | 10 | 0 |
| Cấp I | 162 | 4900 | 4931 | 2.087 | 1.418 | 669 | 0 |
| Cấp I | 173 | | | -7.333.333 | -4.986.666 | -2.346.667 | 0 |
| Cấp I | 173 | 1700 | | -7.333.333 | -4.986.666 | -2.346.667 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|-------------------|----------------|-----------------|-------|
| Cấp I | 173 | 1700 | 1701 | -7.333.333 | -4.986.666 | -2.346.667 | 0 |
| Cấp I | 208 | | | 263.560 | 179.220 | 84.340 | 0 |
| Cấp I | 208 | 1050 | | 263.560 | 179.220 | 84.340 | 0 |
| Cấp I | 208 | 1050 | 1052 | 263.560 | 179.220 | 84.340 | 0 |
| Cấp I | 399 | | | 441.982.134 | 288.442.165 | 153.539.969 | 0 |
| Cấp I | 399 | 1050 | | 228.374.239 | 155.294.480 | 73.079.759 | 0 |
| Cấp I | 399 | 1050 | 1052 | 228.374.239 | 155.294.480 | 73.079.759 | 0 |
| Cấp I | 399 | 1600 | | 17.847.763 | 0 | 17.847.763 | 0 |
| Cấp I | 399 | 1600 | 1603 | 17.847.763 | 0 | 17.847.763 | 0 |
| Cấp I | 399 | 1700 | | 193.846.449 | 131.815.583 | 62.030.866 | 0 |
| Cấp I | 399 | 1700 | 1701 | 193.846.449 | 131.815.583 | 62.030.866 | 0 |
| Cấp I | 399 | 4250 | | 96.250 | 96.250 | 0 | 0 |
| Cấp I | 399 | 4250 | 4272 | 96.250 | 96.250 | 0 | 0 |
| Cấp I | 399 | 4900 | | 1.817.433 | 1.235.852 | 581.581 | 0 |
| Cấp I | 399 | 4900 | 4917 | 375.134 | 255.089 | 120.045 | 0 |
| Cấp I | 399 | 4900 | 4918 | 1.432.399 | 974.031 | 458.368 | 0 |
| Cấp I | 399 | 4900 | 4931 | 9.900 | 6.732 | 3.168 | 0 |
| Cấp II | | | | 1.031.908.090.589 | 55.034.130.990 | 976.873.959.599 | 0 |
| Cấp II | 412 | | | 1.785.217.763 | 169.732.525 | 1.615.485.238 | 0 |
| Cấp II | 412 | 1700 | | 231.959.598 | 157.732.525 | 74.227.073 | 0 |
| Cấp II | 412 | 1700 | 1701 | 231.959.598 | 157.732.525 | 74.227.073 | 0 |
| Cấp II | 412 | 3600 | | 1.541.258.165 | 0 | 1.541.258.165 | 0 |
| Cấp II | 412 | 3600 | 3601 | 1.541.258.165 | 0 | 1.541.258.165 | 0 |
| Cấp II | 412 | 4250 | | 12.000.000 | 12.000.000 | 0 | 0 |
| Cấp II | 412 | 4250 | 4254 | 12.000.000 | 12.000.000 | 0 | 0 |
| Cấp II | 416 | | | 74.000.000 | 0 | 74.000.000 | 0 |
| Cấp II | 416 | 4250 | | 74.000.000 | 0 | 74.000.000 | 0 |
| Cấp II | 416 | 4250 | 4281 | 74.000.000 | 0 | 74.000.000 | 0 |
| Cấp II | 419 | | | 304.066 | 0 | 304.066 | 0 |
| Cấp II | 419 | 1600 | | 304.066 | 0 | 304.066 | 0 |
| Cấp II | 419 | 1600 | 1602 | 304.066 | 0 | 304.066 | 0 |
| Cấp II | 421 | | | 5.438.491.322 | 144.752.024 | 5.293.739.298 | 0 |
| Cấp II | 421 | 1050 | | 76.775.256 | 52.207.174 | 24.568.082 | 0 |
| Cấp II | 421 | 1050 | 1052 | 76.775.256 | 52.207.174 | 24.568.082 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|---------------|-------------|---------------|-------|
| Cấp II | 421 | 1600 | | 359.119.361 | 0 | 359.119.361 | 0 |
| Cấp II | 421 | 1600 | 1603 | 359.119.361 | 0 | 359.119.361 | 0 |
| Cấp II | 421 | 1700 | | 126.177.746 | 85.800.866 | 40.376.880 | 0 |
| Cấp II | 421 | 1700 | 1701 | 126.177.746 | 85.800.866 | 40.376.880 | 0 |
| Cấp II | 421 | 2850 | | 1.000.000 | 0 | 1.000.000 | 0 |
| Cấp II | 421 | 2850 | 2864 | 1.000.000 | 0 | 1.000.000 | 0 |
| Cấp II | 421 | 3600 | | 4.865.501.335 | 0 | 4.865.501.335 | 0 |
| Cấp II | 421 | 3600 | 3601 | 4.865.501.335 | 0 | 4.865.501.335 | 0 |
| Cấp II | 421 | 4900 | | 9.917.624 | 6.743.984 | 3.173.640 | 0 |
| Cấp II | 421 | 4900 | 4918 | 5.090.199 | 3.461.335 | 1.628.864 | 0 |
| Cấp II | 421 | 4900 | 4931 | 4.827.425 | 3.282.649 | 1.544.776 | 0 |
| Cấp II | 423 | | | 936.632 | 210.167 | 726.465 | 0 |
| Cấp II | 423 | 4250 | | 71.750 | 71.750 | 0 | 0 |
| Cấp II | 423 | 4250 | 4272 | 71.750 | 71.750 | 0 | 0 |
| Cấp II | 423 | 4900 | | 864.882 | 138.417 | 726.465 | 0 |
| Cấp II | 423 | 4900 | 4917 | 203.555 | 138.417 | 65.138 | 0 |
| Cấp II | 423 | 4900 | 4944 | 661.327 | 0 | 661.327 | 0 |
| Cấp II | 551 | | | 1.410.343.802 | 952.041.269 | 458.302.533 | 0 |
| Cấp II | 551 | 1050 | | 558.070.254 | 379.487.771 | 178.582.483 | 0 |
| Cấp II | 551 | 1050 | 1052 | 558.070.254 | 379.487.771 | 178.582.483 | 0 |
| Cấp II | 551 | 1600 | | 7.907.120 | 0 | 7.907.120 | 0 |
| Cấp II | 551 | 1600 | 1602 | 7.907.120 | 0 | 7.907.120 | 0 |
| Cấp II | 551 | 1700 | | 841.989.974 | 572.553.180 | 269.436.794 | 0 |
| Cấp II | 551 | 1700 | 1701 | 841.989.974 | 572.553.180 | 269.436.794 | 0 |
| Cấp II | 551 | 4900 | | 2.376.454 | 318 | 2.376.136 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|---------------|---------------|---------------|-------|
| Cấp II | 551 | 4900 | 4917 | 468 | 318 | 150 | 0 |
| Cấp II | 551 | 4900 | 4944 | 2.375.986 | 0 | 2.375.986 | 0 |
| Cấp II | 552 | | | 1.582.869.040 | 1.076.988.832 | 505.880.208 | 0 |
| Cấp II | 552 | 1050 | | 1.230.000.000 | 836.400.000 | 393.600.000 | 0 |
| Cấp II | 552 | 1050 | 1052 | 1.230.000.000 | 836.400.000 | 393.600.000 | 0 |
| Cấp II | 552 | 1600 | | 17.696 | 0 | 17.696 | 0 |
| Cấp II | 552 | 1600 | 1602 | 17.696 | 0 | 17.696 | 0 |
| Cấp II | 552 | 1700 | | 336.895.344 | 229.088.832 | 107.806.512 | 0 |
| Cấp II | 552 | 1700 | 1701 | 336.895.344 | 229.088.832 | 107.806.512 | 0 |
| Cấp II | 552 | 2850 | | 4.000.000 | 0 | 4.000.000 | 0 |
| Cấp II | 552 | 2850 | 2863 | 4.000.000 | 0 | 4.000.000 | 0 |
| Cấp II | 552 | 4250 | | 11.500.000 | 11.500.000 | 0 | 0 |
| Cấp II | 552 | 4250 | 4254 | 11.500.000 | 11.500.000 | 0 | 0 |
| Cấp II | 552 | 4900 | | 456.000 | 0 | 456.000 | 0 |
| Cấp II | 552 | 4900 | 4944 | 456.000 | 0 | 456.000 | 0 |
| Cấp II | 554 | | | 2.463.468.860 | 918.350.902 | 1.545.117.958 | 0 |
| Cấp II | 554 | 1050 | | 91.817.560 | 62.435.940 | 29.381.620 | 0 |
| Cấp II | 554 | 1050 | 1052 | 91.817.560 | 62.435.940 | 29.381.620 | 0 |
| Cấp II | 554 | 1600 | | 22.810.422 | 0 | 22.810.422 | 0 |
| Cấp II | 554 | 1600 | 1602 | 241.004 | 0 | 241.004 | 0 |
| Cấp II | 554 | 1600 | 1603 | 22.569.418 | 0 | 22.569.418 | 0 |
| Cấp II | 554 | 1700 | | 1.258.689.483 | 855.908.842 | 402.780.641 | 0 |
| Cấp II | 554 | 1700 | 1701 | 1.258.689.483 | 855.908.842 | 402.780.641 | 0 |
| Cấp II | 554 | 3600 | | 1.090.142.395 | 0 | 1.090.142.395 | 0 |
| Cấp II | 554 | 3600 | 3601 | 1.090.142.395 | 0 | 1.090.142.395 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|-----------------|----------------|-----------------|-------|
| Cấp II | 554 | 4900 | | 9.000 | 6.120 | 2.880 | 0 |
| Cấp II | 554 | 4900 | 4931 | 9.000 | 6.120 | 2.880 | 0 |
| Cấp II | 555 | | | 967.113.090.942 | 18.492.055.325 | 948.621.035.617 | 0 |
| Cấp II | 555 | 1050 | | 13.008.755.843 | 8.845.953.966 | 4.162.801.877 | 0 |
| Cấp II | 555 | 1050 | 1052 | 10.755.311.599 | 7.313.611.881 | 3.441.699.718 | 0 |
| Cấp II | 555 | 1050 | 1053 | 2.253.444.244 | 1.532.342.085 | 721.102.159 | 0 |
| Cấp II | 555 | 1400 | | 913.276.245.000 | 0 | 913.276.245.000 | 0 |
| Cấp II | 555 | 1400 | 1408 | 913.276.245.000 | 0 | 913.276.245.000 | 0 |
| Cấp II | 555 | 1600 | | 1.033.482.852 | 0 | 1.033.482.852 | 0 |
| Cấp II | 555 | 1600 | 1602 | 335.973.670 | 0 | 335.973.670 | 0 |
| Cấp II | 555 | 1600 | 1603 | 697.509.182 | 0 | 697.509.182 | 0 |
| Cấp II | 555 | 1700 | | 11.592.379.939 | 7.882.818.337 | 3.709.561.602 | 0 |
| Cấp II | 555 | 1700 | 1701 | 11.592.379.939 | 7.882.818.337 | 3.709.561.602 | 0 |
| Cấp II | 555 | 2800 | | 374.342.400 | 0 | 374.342.400 | 0 |
| Cấp II | 555 | 2800 | 2802 | 374.342.400 | 0 | 374.342.400 | 0 |
| Cấp II | 555 | 2850 | | 31.000.000 | 0 | 31.000.000 | 0 |
| Cấp II | 555 | 2850 | 2862 | 15.000.000 | 0 | 15.000.000 | 0 |
| Cấp II | 555 | 2850 | 2863 | 4.000.000 | 0 | 4.000.000 | 0 |
| Cấp II | 555 | 2850 | 2864 | 12.000.000 | 0 | 12.000.000 | 0 |
| Cấp II | 555 | 3600 | | 18.905.626.527 | 0 | 18.905.626.527 | 0 |
| Cấp II | 555 | 3600 | 3601 | 18.905.626.527 | 0 | 18.905.626.527 | 0 |
| Cấp II | 555 | 4250 | | 215.843.926 | 215.843.926 | 0 | 0 |
| Cấp II | 555 | 4250 | 4254 | 177.500.000 | 177.500.000 | 0 | 0 |
| Cấp II | 555 | 4250 | 4268 | 29.150.000 | 29.150.000 | 0 | 0 |
| Cấp II | 555 | 4250 | 4272 | 9.193.926 | 9.193.926 | 0 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|----------------|----------------|----------------|-------|
| Cấp II | 555 | 4900 | | 8.675.414.455 | 1.547.439.096 | 7.127.975.359 | 0 |
| Cấp II | 555 | 4900 | 4914 | 5.000.000.000 | 0 | 5.000.000.000 | 0 |
| Cấp II | 555 | 4900 | 4917 | 77.387.847 | 52.623.727 | 24.764.120 | 0 |
| Cấp II | 555 | 4900 | 4918 | 2.122.414.285 | 1.443.241.707 | 679.172.578 | 0 |
| Cấp II | 555 | 4900 | 4931 | 75.843.625 | 51.573.662 | 24.269.963 | 0 |
| Cấp II | 555 | 4900 | 4944 | 1.399.768.698 | 0 | 1.399.768.698 | 0 |
| Cấp II | 556 | | | 5.459.293 | 0 | 5.459.293 | 0 |
| Cấp II | 556 | 1600 | | 5.459.293 | 0 | 5.459.293 | 0 |
| Cấp II | 556 | 1600 | 1603 | 5.459.293 | 0 | 5.459.293 | 0 |
| Cấp II | 557 | | | 44.335.034.993 | 29.085.022.148 | 15.250.012.845 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1000 | | 42.642.435.251 | 28.996.855.820 | 13.645.579.431 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1000 | 1001 | 38.160.686.714 | 25.949.266.827 | 12.211.419.887 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1000 | 1003 | 33.405.504 | 22.715.739 | 10.689.765 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1000 | 1004 | 4.126.397.626 | 2.805.950.379 | 1.320.447.247 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1000 | 1007 | 29.540.780 | 20.087.730 | 9.453.050 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1000 | 1014 | -7.333.333 | -4.986.666 | -2.346.667 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1000 | 1015 | 299.737.960 | 203.821.811 | 95.916.149 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1400 | | 938.862.000 | 0 | 938.862.000 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1400 | 1401 | 938.862.000 | 0 | 938.862.000 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1600 | | 604.337.322 | 0 | 604.337.322 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1600 | 1601 | 121.500 | 0 | 121.500 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1600 | 1602 | 604.215.822 | 0 | 604.215.822 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1700 | | 112.214.700 | 76.305.996 | 35.908.704 | 0 |
| Cấp II | 557 | 1700 | 1701 | 112.214.700 | 76.305.996 | 35.908.704 | 0 |
| Cấp II | 557 | 4250 | | 1.750.000 | 1.750.000 | 0 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|---------------|---------------|---------------|-------|
| Cấp II | 557 | 4250 | 4268 | 1.750.000 | 1.750.000 | 0 | 0 |
| Cấp II | 557 | 4900 | | 35.435.720 | 10.110.332 | 25.325.388 | 0 |
| Cấp II | 557 | 4900 | 4917 | 14.799.679 | 10.063.752 | 4.735.927 | 0 |
| Cấp II | 557 | 4900 | 4931 | 68.502 | 46.580 | 21.922 | 0 |
| Cấp II | 557 | 4900 | 4944 | 20.567.539 | 0 | 20.567.539 | 0 |
| Cấp II | 558 | | | 256.450.961 | 0 | 256.450.961 | 0 |
| Cấp II | 558 | 1600 | | 7.995.064 | 0 | 7.995.064 | 0 |
| Cấp II | 558 | 1600 | 1603 | 7.995.064 | 0 | 7.995.064 | 0 |
| Cấp II | 558 | 3600 | | 248.455.897 | 0 | 248.455.897 | 0 |
| Cấp II | 558 | 3600 | 3601 | 248.455.897 | 0 | 248.455.897 | 0 |
| Cấp II | 559 | | | 1.276.631.921 | 0 | 1.276.631.921 | 0 |
| Cấp II | 559 | 1600 | | 52.199.653 | 0 | 52.199.653 | 0 |
| Cấp II | 559 | 1600 | 1603 | 52.199.653 | 0 | 52.199.653 | 0 |
| Cấp II | 559 | 2800 | | 1.998.100 | 0 | 1.998.100 | 0 |
| Cấp II | 559 | 2800 | 2801 | 1.998.100 | 0 | 1.998.100 | 0 |
| Cấp II | 559 | 3600 | | 1.222.434.168 | 0 | 1.222.434.168 | 0 |
| Cấp II | 559 | 3600 | 3601 | 1.222.434.168 | 0 | 1.222.434.168 | 0 |
| Cấp II | 561 | | | 2.803.959.170 | 1.908.932.209 | 895.026.961 | 0 |
| Cấp II | 561 | 1050 | | 2.288.213.423 | 1.555.985.115 | 732.228.308 | 0 |
| Cấp II | 561 | 1050 | 1052 | 2.288.213.423 | 1.555.985.115 | 732.228.308 | 0 |
| Cấp II | 561 | 1700 | | 464.313.446 | 315.733.134 | 148.580.312 | 0 |
| Cấp II | 561 | 1700 | 1701 | 464.313.446 | 315.733.134 | 148.580.312 | 0 |
| Cấp II | 561 | 4250 | | 7.000.000 | 7.000.000 | 0 | 0 |
| Cấp II | 561 | 4250 | 4254 | 7.000.000 | 7.000.000 | 0 | 0 |
| Cấp II | 561 | 4900 | | 44.432.301 | 30.213.960 | 14.218.341 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|---------|-----------|------|----------|---------------|---------------|---------------|-------|
| Cấp II | 561 | 4900 | 4917 | 4.984.527 | 3.389.478 | 1.595.049 | 0 |
| Cấp II | 561 | 4900 | 4918 | 28.737.500 | 19.541.497 | 9.196.003 | 0 |
| Cấp II | 561 | 4900 | 4931 | 10.710.274 | 7.282.985 | 3.427.289 | 0 |
| Cấp II | 562 | | | 3.361.831.824 | 2.286.045.589 | 1.075.786.235 | 0 |
| Cấp II | 562 | 1050 | | 1.609.900.023 | 1.094.731.995 | 515.168.028 | 0 |
| Cấp II | 562 | 1050 | 1052 | 1.609.900.023 | 1.094.731.995 | 515.168.028 | 0 |
| Cấp II | 562 | 1700 | | 1.744.024.245 | 1.185.936.473 | 558.087.772 | 0 |
| Cấp II | 562 | 1700 | 1701 | 1.744.024.245 | 1.185.936.473 | 558.087.772 | 0 |
| Cấp II | 562 | 4900 | | 7.907.556 | 5.377.121 | 2.530.435 | 0 |
| Cấp II | 562 | 4900 | 4918 | 6.192.770 | 4.211.074 | 1.981.696 | 0 |
| Cấp II | 562 | 4900 | 4931 | 1.714.786 | 1.166.047 | 548.739 | 0 |
| Cấp III | | | | 3.812.444.728 | 2.480.200.886 | 1.332.243.842 | 0 |
| Cấp III | 754 | | | 3.686.259.956 | 2.483.711.495 | 1.202.548.461 | 0 |
| Cấp III | 754 | 1050 | | 1.314.632.891 | 893.950.364 | 420.682.527 | 0 |
| Cấp III | 754 | 1050 | 1052 | 1.314.632.891 | 893.950.364 | 420.682.527 | 0 |
| Cấp III | 754 | 1600 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 754 | 1600 | 1602 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 754 | 1700 | | 1.542.838.120 | 1.049.129.917 | 493.708.203 | 0 |
| Cấp III | 754 | 1700 | 1701 | 1.542.838.120 | 1.049.129.917 | 493.708.203 | 0 |
| Cấp III | 754 | 2800 | | 202.046.000 | 0 | 202.046.000 | 0 |
| Cấp III | 754 | 2800 | 2802 | 202.046.000 | 0 | 202.046.000 | 0 |
| Cấp III | 754 | 2800 | 2824 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 754 | 2850 | | -2.000.000 | 0 | -2.000.000 | 0 |
| Cấp III | 754 | 2850 | 2863 | -2.000.000 | 0 | -2.000.000 | 0 |
| Cấp III | 754 | 2850 | 2864 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 754 | 4250 | | 353.860.460 | 353.860.460 | 0 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|---------|-----------|------|----------|-------------|-------------|-------------|-------|
| Cấp III | 754 | 4250 | 4254 | 353.342.770 | 353.342.770 | 0 | 0 |
| Cấp III | 754 | 4250 | 4272 | 517.690 | 517.690 | 0 | 0 |
| Cấp III | 754 | 4900 | | 274.882.485 | 186.770.754 | 88.111.731 | 0 |
| Cấp III | 754 | 4900 | 4917 | 23.705.156 | 16.119.506 | 7.585.650 | 0 |
| Cấp III | 754 | 4900 | 4918 | 196.746.462 | 133.787.590 | 62.958.872 | 0 |
| Cấp III | 754 | 4900 | 4931 | 54.211.267 | 36.863.658 | 17.347.609 | 0 |
| Cấp III | 754 | 4900 | 4944 | 219.600 | 0 | 219.600 | 0 |
| Cấp III | 754 | 4900 | 4947 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 755 | | | 780.288.562 | 439.437.917 | 340.850.645 | 0 |
| Cấp III | 755 | 1050 | | 5.866.916 | 3.989.502 | 1.877.414 | 0 |
| Cấp III | 755 | 1050 | 1052 | 5.866.916 | 3.989.502 | 1.877.414 | 0 |
| Cấp III | 755 | 1700 | | 634.237.635 | 431.281.588 | 202.956.047 | 0 |
| Cấp III | 755 | 1700 | 1701 | 634.237.635 | 431.281.588 | 202.956.047 | 0 |
| Cấp III | 755 | 1700 | 1749 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 755 | 2800 | | 128.992.080 | 0 | 128.992.080 | 0 |
| Cấp III | 755 | 2800 | 2802 | 128.992.080 | 0 | 128.992.080 | 0 |
| Cấp III | 755 | 2800 | 2824 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 755 | 2850 | | 2.000.000 | 0 | 2.000.000 | 0 |
| Cấp III | 755 | 2850 | 2863 | 2.000.000 | 0 | 2.000.000 | 0 |
| Cấp III | 755 | 2850 | 2864 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 755 | 4250 | | -6.147.500 | -6.147.500 | 0 | 0 |
| Cấp III | 755 | 4250 | 4254 | -4.000.000 | -4.000.000 | 0 | 0 |
| Cấp III | 755 | 4250 | 4268 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 755 | 4250 | 4272 | -2.147.500 | -2.147.500 | 0 | 0 |
| Cấp III | 755 | 4900 | | 15.339.431 | 10.314.327 | 5.025.104 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|---------|-----------|------|----------|--------------|--------------|--------------|-------|
| Cấp III | 755 | 4900 | 4917 | 13.449.978 | 9.145.983 | 4.303.995 | 0 |
| Cấp III | 755 | 4900 | 4918 | 120.000 | 81.600 | 38.400 | 0 |
| Cấp III | 755 | 4900 | 4931 | 1.598.153 | 1.086.744 | 511.409 | 0 |
| Cấp III | 755 | 4900 | 4944 | 171.300 | 0 | 171.300 | 0 |
| Cấp III | 756 | | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 1050 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 1050 | 1052 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 1700 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 1700 | 1701 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 4250 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 4250 | 4254 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 4250 | 4272 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 4900 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 4900 | 4917 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 4900 | 4918 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 756 | 4900 | 4944 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | | | -654.544.473 | -443.284.926 | -211.259.547 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1000 | | -619.224.398 | -421.072.565 | -198.151.833 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1000 | 1001 | -488.474.986 | -332.162.970 | -156.312.016 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1000 | 1003 | -87.948.078 | -59.804.689 | -28.143.389 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1000 | 1004 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1000 | 1006 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1000 | 1014 | -42.801.334 | -29.104.906 | -13.696.428 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1000 | 1015 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1600 | | -182.909 | 0 | -182.909 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|---------|-----------|------|----------|-------------|-------------|-------------|-------|
| Cấp III | 757 | 1600 | 1602 | -182.909 | 0 | -182.909 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1700 | | -32.607.766 | -22.173.279 | -10.434.487 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1700 | 1701 | -32.607.766 | -22.173.279 | -10.434.487 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1750 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 1750 | 1757 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 2800 | | -3.172.000 | 0 | -3.172.000 | 0 |
| Cấp III | 757 | 2800 | 2801 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 2800 | 2802 | -2.256.000 | 0 | -2.256.000 | 0 |
| Cấp III | 757 | 2800 | 2824 | -916.000 | 0 | -916.000 | 0 |
| Cấp III | 757 | 2850 | | 650.000 | 0 | 650.000 | 0 |
| Cấp III | 757 | 2850 | 2862 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 2850 | 2863 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 2850 | 2864 | 650.000 | 0 | 650.000 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4250 | | -56.000 | -56.000 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4250 | 4254 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4250 | 4268 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4250 | 4272 | -56.000 | -56.000 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4900 | | 48.600 | 16.918 | 31.682 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4900 | 4917 | 8.180 | 5.562 | 2.618 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4900 | 4931 | 13.760 | 9.356 | 4.404 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4900 | 4934 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4900 | 4943 | 2.000 | 2.000 | 0 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4900 | 4944 | 24.660 | 0 | 24.660 | 0 |
| Cấp III | 757 | 4900 | 4949 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 799 | | | 440.683 | 336.400 | 104.283 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|---------|-----------|------|----------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Cấp III | 799 | 1050 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 799 | 1050 | 1052 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 799 | 1700 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 799 | 1700 | 1701 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp III | 799 | 4250 | | 114.800 | 114.800 | 0 | 0 |
| Cấp III | 799 | 4250 | 4272 | 114.800 | 114.800 | 0 | 0 |
| Cấp III | 799 | 4900 | | 325.883 | 221.600 | 104.283 | 0 |
| Cấp III | 799 | 4900 | 4931 | 325.883 | 221.600 | 104.283 | 0 |
| Cấp IV | | | | 667.993.507.297 | 218.872.985.786 | 188.782.801.527 | 260.337.719.984 |
| Cấp IV | 800 | | | 189.820.296 | 129.077.800 | 60.742.496 | 0 |
| Cấp IV | 800 | 1700 | | 189.820.296 | 129.077.800 | 60.742.496 | 0 |
| Cấp IV | 800 | 1700 | 1701 | 189.820.296 | 129.077.800 | 60.742.496 | 0 |
| Cấp IV | 805 | | | 471.433.359 | 0 | 471.433.359 | 0 |
| Cấp IV | 805 | 4250 | | 471.433.359 | 0 | 471.433.359 | 0 |
| Cấp IV | 805 | 4250 | 4277 | 100.100 | 0 | 100.100 | 0 |
| Cấp IV | 805 | 4250 | 4278 | 394.800.000 | 0 | 394.800.000 | 0 |
| Cấp IV | 805 | 4250 | 4299 | 76.533.259 | 0 | 76.533.259 | 0 |
| Cấp IV | 819 | | | 104.400.000 | 0 | 104.400.000 | 0 |
| Cấp IV | 819 | 2800 | | 104.400.000 | 0 | 104.400.000 | 0 |
| Cấp IV | 819 | 2800 | 2802 | 104.400.000 | 0 | 104.400.000 | 0 |
| Cấp IV | 821 | | | 35.580.908 | 4.930.000 | 30.650.908 | 0 |
| Cấp IV | 821 | 1050 | | 3.625.000 | 2.465.000 | 1.160.000 | 0 |
| Cấp IV | 821 | 1050 | 1052 | 3.625.000 | 2.465.000 | 1.160.000 | 0 |
| Cấp IV | 821 | 1700 | | 3.625.000 | 2.465.000 | 1.160.000 | 0 |
| Cấp IV | 821 | 1700 | 1701 | 3.625.000 | 2.465.000 | 1.160.000 | 0 |
| Cấp IV | 821 | 3850 | | 28.330.908 | 0 | 28.330.908 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|-------------|------------|-------------|-------|
| Cấp IV | 821 | 3850 | 3899 | 28.330.908 | 0 | 28.330.908 | 0 |
| Cấp IV | 822 | | | 204.348.083 | 71.065.492 | 133.282.591 | 0 |
| Cấp IV | 822 | 1050 | | 42.679.227 | 29.021.872 | 13.657.355 | 0 |
| Cấp IV | 822 | 1050 | 1052 | 42.679.227 | 29.021.872 | 13.657.355 | 0 |
| Cấp IV | 822 | 1700 | | 59.555.130 | 40.497.488 | 19.057.642 | 0 |
| Cấp IV | 822 | 1700 | 1701 | 59.555.130 | 40.497.488 | 19.057.642 | 0 |
| Cấp IV | 822 | 4900 | | 102.113.726 | 1.546.132 | 100.567.594 | 0 |
| Cấp IV | 822 | 4900 | 4902 | 99.840.000 | 0 | 99.840.000 | 0 |
| Cấp IV | 822 | 4900 | 4917 | 1.092.019 | 742.572 | 349.447 | 0 |
| Cấp IV | 822 | 4900 | 4918 | 1.181.707 | 803.560 | 378.147 | 0 |
| Cấp IV | 829 | | | 120.901.115 | 13.836.436 | 107.064.679 | 0 |
| Cấp IV | 829 | 1700 | | 20.347.700 | 13.836.436 | 6.511.264 | 0 |
| Cấp IV | 829 | 1700 | 1701 | 20.347.700 | 13.836.436 | 6.511.264 | 0 |
| Cấp IV | 829 | 3900 | | 100.553.415 | 0 | 100.553.415 | 0 |
| Cấp IV | 829 | 3900 | 3903 | 100.553.415 | 0 | 100.553.415 | 0 |
| Cấp IV | 830 | | | 870.854.391 | 0 | 870.854.391 | 0 |
| Cấp IV | 830 | 2700 | | 142.312.941 | 0 | 142.312.941 | 0 |
| Cấp IV | 830 | 2700 | 2716 | 142.312.941 | 0 | 142.312.941 | 0 |
| Cấp IV | 830 | 2800 | | 10.250.000 | 0 | 10.250.000 | 0 |
| Cấp IV | 830 | 2800 | 2801 | 10.250.000 | 0 | 10.250.000 | 0 |
| Cấp IV | 830 | 4250 | | 713.791.450 | 0 | 713.791.450 | 0 |
| Cấp IV | 830 | 4250 | 4274 | 17.000 | 0 | 17.000 | 0 |
| Cấp IV | 830 | 4250 | 4277 | 739.703 | 0 | 739.703 | 0 |
| Cấp IV | 830 | 4250 | 4278 | 240.000.000 | 0 | 240.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 830 | 4250 | 4299 | 473.034.747 | 0 | 473.034.747 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|-----------------|----------------|----------------|-------|
| Cấp IV | 830 | 4900 | | 4.500.000 | 0 | 4.500.000 | 0 |
| Cấp IV | 830 | 4900 | 4902 | 4.500.000 | 0 | 4.500.000 | 0 |
| Cấp IV | 831 | | | 38.437.264 | 0 | 38.437.264 | 0 |
| Cấp IV | 831 | 4900 | | 38.437.264 | 0 | 38.437.264 | 0 |
| Cấp IV | 831 | 4900 | 4949 | 38.437.264 | 0 | 38.437.264 | 0 |
| Cấp IV | 854 | | | 143.355.248.219 | 93.400.297.899 | 49.954.950.320 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1050 | | 30.646.690.908 | 20.839.749.716 | 9.806.941.192 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1050 | 1052 | 30.514.170.513 | 20.749.635.849 | 9.764.534.664 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1050 | 1053 | 132.520.395 | 90.113.867 | 42.406.528 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1150 | | 5.000.000 | 0 | 5.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1150 | 1151 | 5.000.000 | 0 | 5.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1600 | | 94.580.225 | 0 | 94.580.225 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1600 | 1602 | 5.422.718 | 0 | 5.422.718 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1600 | 1603 | 89.157.507 | 0 | 89.157.507 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1700 | | 96.528.472.545 | 65.639.360.793 | 30.889.111.752 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1700 | 1701 | 96.528.472.545 | 65.639.360.793 | 30.889.111.752 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 1700 | 1749 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 2800 | | 6.383.551.486 | 0 | 6.383.551.486 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 2800 | 2801 | 352.345.366 | 0 | 352.345.366 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 2800 | 2802 | 6.001.564.120 | 0 | 6.001.564.120 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 2800 | 2803 | 2.000.000 | 0 | 2.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 2800 | 2804 | 19.500.000 | 0 | 19.500.000 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 2800 | 2824 | 8.142.000 | 0 | 8.142.000 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 2850 | | 221.560.005 | 0 | 221.560.005 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 2850 | 2862 | 42.960.005 | 0 | 42.960.005 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|----------------|----------------|----------------|-------|
| Cấp IV | 854 | 2850 | 2863 | 150.100.000 | 0 | 150.100.000 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 2850 | 2864 | 28.500.000 | 0 | 28.500.000 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4250 | | 4.814.481.705 | 4.814.481.705 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4250 | 4254 | 4.658.383.192 | 4.658.383.192 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4250 | 4268 | 110.856.613 | 110.856.613 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4250 | 4272 | 45.241.900 | 45.241.900 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4450 | | 1.500.000.000 | 0 | 1.500.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4450 | 4451 | 1.500.000.000 | 0 | 1.500.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4900 | | 3.160.911.345 | 2.106.705.685 | 1.054.205.660 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4900 | 4917 | 124.001.795 | 84.321.169 | 39.680.626 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4900 | 4918 | 1.703.222.423 | 1.158.191.093 | 545.031.330 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4900 | 4931 | 1.268.172.226 | 862.356.928 | 405.815.298 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4900 | 4943 | 1.836.495 | 1.836.495 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4900 | 4944 | 62.656.355 | 0 | 62.656.355 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4900 | 4947 | 22.051 | 0 | 22.051 | 0 |
| Cấp IV | 854 | 4900 | 4949 | 1.000.000 | 0 | 1.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 855 | | | 61.827.473.159 | 40.046.412.880 | 21.781.060.279 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 1050 | | 12.088.357.036 | 8.220.082.732 | 3.868.274.304 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 1050 | 1052 | 12.088.357.036 | 8.220.082.732 | 3.868.274.304 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 1600 | | 3.526.580 | 0 | 3.526.580 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 1600 | 1602 | 2.007.822 | 0 | 2.007.822 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 1600 | 1603 | 1.518.758 | 0 | 1.518.758 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 1700 | | 43.426.800.106 | 29.530.223.685 | 13.896.576.421 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 1700 | 1701 | 43.426.800.106 | 29.530.223.685 | 13.896.576.421 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 1700 | 1749 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|---------------|---------------|---------------|-------|
| Cấp IV | 855 | 2800 | | 3.459.235.400 | 0 | 3.459.235.400 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 2800 | 2802 | 3.456.711.400 | 0 | 3.456.711.400 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 2800 | 2824 | 2.524.000 | 0 | 2.524.000 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 2850 | | 184.500.000 | 0 | 184.500.000 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 2850 | 2862 | 17.000.000 | 0 | 17.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 2850 | 2863 | 132.000.000 | 0 | 132.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 2850 | 2864 | 35.500.000 | 0 | 35.500.000 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 4250 | | 1.566.373.396 | 1.566.373.396 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 4250 | 4254 | 1.512.399.107 | 1.512.399.107 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 4250 | 4268 | 26.800.000 | 26.800.000 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 4250 | 4272 | 27.174.289 | 27.174.289 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 4900 | | 1.098.680.641 | 729.733.067 | 368.947.574 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 4900 | 4917 | 59.342.844 | 40.353.084 | 18.989.760 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 4900 | 4918 | 616.844.827 | 419.454.390 | 197.390.437 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 4900 | 4931 | 396.949.592 | 269.925.593 | 127.023.999 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 4900 | 4944 | 25.531.228 | 0 | 25.531.228 | 0 |
| Cấp IV | 855 | 4900 | 4949 | 12.150 | 0 | 12.150 | 0 |
| Cấp IV | 856 | | | 2.487.093.873 | 1.467.272.214 | 1.019.821.659 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 1050 | | 649.631.875 | 441.749.675 | 207.882.200 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 1050 | 1052 | 649.631.875 | 441.749.675 | 207.882.200 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 1550 | | 347.688.800 | 0 | 347.688.800 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 1550 | 1558 | 347.688.800 | 0 | 347.688.800 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 1700 | | 1.437.275.252 | 977.347.166 | 459.928.086 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 1700 | 1701 | 1.437.275.252 | 977.347.166 | 459.928.086 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 2850 | | 500.000 | 0 | 500.000 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|-----------------|----------------|-----------------|-------|
| Cấp IV | 856 | 2850 | 2864 | 500.000 | 0 | 500.000 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 4250 | | 40.061.977 | 40.061.977 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 4250 | 4254 | 40.051.827 | 40.051.827 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 4250 | 4272 | 10.150 | 10.150 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 4900 | | 11.935.969 | 8.113.396 | 3.822.573 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 4900 | 4917 | 11.498.350 | 7.818.877 | 3.679.473 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 4900 | 4918 | 221.327 | 150.501 | 70.826 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 4900 | 4931 | 211.792 | 144.018 | 67.774 | 0 |
| Cấp IV | 856 | 4900 | 4944 | 4.500 | 0 | 4.500 | 0 |
| Cấp IV | 857 | | | 192.446.979.829 | 80.836.331.062 | 111.610.648.767 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1000 | | 93.381.624.737 | 63.499.503.651 | 29.882.121.086 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1000 | 1001 | 25.171.415.980 | 17.116.562.590 | 8.054.853.390 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1000 | 1003 | 8.842.714.450 | 6.013.045.159 | 2.829.669.291 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1000 | 1004 | 2.566.949.065 | 1.745.525.357 | 821.423.708 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1000 | 1005 | 9.000.000 | 6.120.000 | 2.880.000 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1000 | 1006 | 50.688.569.013 | 34.468.226.836 | 16.220.342.177 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1000 | 1007 | 4.400.000 | 2.992.000 | 1.408.000 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1000 | 1012 | 29.845.000 | 20.294.600 | 9.550.400 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1000 | 1014 | 5.328.450.989 | 3.623.346.547 | 1.705.104.442 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1000 | 1015 | 740.280.240 | 503.390.562 | 236.889.678 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1050 | | 825.527.030 | 561.358.379 | 264.168.651 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1050 | 1052 | 675.527.030 | 459.358.379 | 216.168.651 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1050 | 1053 | 150.000.000 | 102.000.000 | 48.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1400 | | 15.521.428.370 | 0 | 15.521.428.370 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1400 | 1401 | 15.075.138.370 | 0 | 15.075.138.370 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|----------------|----------------|----------------|-------|
| Cấp IV | 857 | 1400 | 1411 | 446.290.000 | 0 | 446.290.000 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1600 | | 3.881.615.439 | 0 | 3.881.615.439 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1600 | 1601 | 1.826.354 | 0 | 1.826.354 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1600 | 1602 | 3.879.076.000 | 0 | 3.879.076.000 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1600 | 1603 | 98.532 | 0 | 98.532 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1600 | 1649 | 614.553 | 0 | 614.553 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1700 | | 21.452.200.126 | 14.587.495.301 | 6.864.704.825 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1700 | 1701 | 21.452.200.126 | 14.587.495.301 | 6.864.704.825 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1750 | | 113.261.004 | 77.017.469 | 36.243.535 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 1750 | 1757 | 113.261.004 | 77.017.469 | 36.243.535 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 2800 | | 53.968.414.824 | 0 | 53.968.414.824 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 2800 | 2801 | 16.782.937.124 | 0 | 16.782.937.124 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 2800 | 2802 | 36.270.926.600 | 0 | 36.270.926.600 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 2800 | 2824 | 914.551.100 | 0 | 914.551.100 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 2850 | | 139.265.520 | 1.000.000 | 138.265.520 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 2850 | 2862 | 54.815.520 | 1.000.000 | 53.815.520 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 2850 | 2863 | 30.450.000 | 0 | 30.450.000 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 2850 | 2864 | 54.000.000 | 0 | 54.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4250 | | 343.516.380 | 341.016.380 | 2.500.000 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4250 | 4252 | 2.500.000 | 0 | 2.500.000 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4250 | 4254 | 268.794.164 | 268.794.164 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4250 | 4268 | 65.100.000 | 65.100.000 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4250 | 4272 | 7.122.216 | 7.122.216 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4900 | | 2.820.126.399 | 1.768.939.882 | 1.051.186.517 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4900 | 4904 | 394.128 | 394.128 | 0 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiêu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|--------|-----------|------|----------|-----------------|---------------|---------------|-----------------|
| Cấp IV | 857 | 4900 | 4917 | 1.004.892.842 | 683.325.315 | 321.567.527 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4900 | 4927 | 4.200 | 0 | 4.200 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4900 | 4931 | 1.593.897.439 | 1.083.848.367 | 510.049.072 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4900 | 4934 | 1.785.590 | 1.214.182 | 571.408 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4900 | 4943 | 157.890 | 157.890 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4900 | 4944 | 214.643.310 | 0 | 214.643.310 | 0 |
| Cấp IV | 857 | 4900 | 4949 | 4.351.000 | 0 | 4.351.000 | 0 |
| Cấp IV | 860 | | | 260.550.219.984 | 0 | 212.500.000 | 260.337.719.984 |
| Cấp IV | 860 | 4250 | | 212.500.000 | 0 | 212.500.000 | 0 |
| Cấp IV | 860 | 4250 | 4299 | 212.500.000 | 0 | 212.500.000 | 0 |
| Cấp IV | 860 | 4650 | | 260.337.719.984 | 0 | 0 | 260.337.719.984 |
| Cấp IV | 860 | 4650 | 4651 | 32.037.000.000 | 0 | 0 | 32.037.000.000 |
| Cấp IV | 860 | 4650 | 4654 | 228.300.719.984 | 0 | 0 | 228.300.719.984 |
| Cấp IV | 989 | | | 5.290.716.817 | 2.903.762.003 | 2.386.954.814 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 1050 | | 1.313.775.426 | 893.367.288 | 420.408.138 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 1050 | 1052 | 1.313.775.426 | 893.367.288 | 420.408.138 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 1700 | | 2.952.146.635 | 2.007.459.705 | 944.686.930 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 1700 | 1701 | 2.952.146.635 | 2.007.459.705 | 944.686.930 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 2800 | | 1.016.501.640 | 0 | 1.016.501.640 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 2800 | 2802 | 1.011.917.640 | 0 | 1.011.917.640 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 2800 | 2824 | 4.584.000 | 0 | 4.584.000 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 2850 | | 4.000.000 | 0 | 4.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 2850 | 2864 | 4.000.000 | 0 | 4.000.000 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 4250 | | 117.250 | 117.250 | 0 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 4250 | 4272 | 117.250 | 117.250 | 0 | 0 |

| Cấp | Mã chương | Mục | Tiểu mục | NSNN | NSTW | NS cấp tỉnh | NS xã |
|------------|------------------|------------|-----------------|-------------|-------------|--------------------|--------------|
| Cấp IV | 989 | 4900 | | 4.175.866 | 2.817.760 | 1.358.106 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 4900 | 4917 | 8.000 | 5.440 | 2.560 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 4900 | 4918 | 546.970 | 371.939 | 175.031 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 4900 | 4931 | 3.588.796 | 2.440.381 | 1.148.415 | 0 |
| Cấp IV | 989 | 4900 | 4944 | 32.100 | 0 | 32.100 | 0 |

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Dự toán | Quyết toán | So sánh | |
|------------|--|------------------------|------------------------|-----------------------|----------------|
| | | | | Tuyệt đối | Tương đối (%) |
| A | B | 1 | 2 | 3=2-1 | 4=2/1 |
| | TỔNG CHI NSDP | 266.983.985.860 | 258.454.428.497 | -8.529.557.363 | 96,8% |
| I | Chi đầu tư phát triển | | | 0 | |
| II | Chi thường xuyên | 266.659.335.860 | 257.907.778.497 | -8.751.557.363 | 96,7% |
| - | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 139.967.389.267 | 138.597.399.072 | -1.369.990.195 | 99,0% |
| - | Chi khoa học và công nghệ (2) | | | 0 | |
| - | Chi quốc phòng | 3.576.549.217 | 3.410.830.219 | -165.718.998 | 95,4% |
| - | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội | 8.070.142.000 | 7.535.403.600 | -534.738.400 | 93,4% |
| - | Chi y tế, dân số và gia đình | 9.892.263.485 | 9.849.803.254 | -42.460.231 | 99,6% |
| - | Chi văn hóa thông tin | 7.628.935.560 | 6.291.884.054 | -1.337.051.506 | 82,5% |
| - | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | 121.699.845 | 121.699.845 | 0 | 100,00% |
| - | Chi thể dục thể thao | 1.214.119.000 | 1.213.623.328 | -495.672 | 99,96% |
| - | Chi bảo vệ môi trường | 3.193.400.000 | 1.822.402.000 | -1.370.998.000 | 57,1% |
| - | Chi các hoạt động kinh tế | 2.271.399.005 | 2.100.098.055 | -171.300.950 | 92,5% |
| - | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | 74.126.971.507 | 70.872.760.596 | -3.254.210.911 | 95,6% |
| - | Chi bảo đảm xã hội | 16.596.466.974 | 16.091.874.474 | -504.592.500 | 97,0% |
| - | Chi thường xuyên khác | | | 0 | |
| III | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU | | 222.000.000 | | |
| IV | Chi nộp ngân sách cấp trên | 324.650.000 | 324.650.000 | | 100,0% |

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2025 | Quyết toán | So sánh (%) |
|------------|---|------------------------|------------------------|--------------|
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| | TỔNG CHI NSDP | 266.983.985.860 | 258.454.428.497 | 96,8% |
| A | CHI CÁN ĐỐI NSDP | 31.526.356.093 | 29.829.058.513 | 94,6% |
| I | Chi đầu tư phát triển | | | |
| II | Chi thường xuyên | 31.526.356.093 | 29.829.058.513 | 94,6% |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| 1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 1.139.788.267 | 1.138.561.267 | 99,9% |
| 2 | Chi khoa học và công nghệ (2) | | | |
| 3 | Chi quốc phòng | 1.701.113.189 | 1.550.643.191 | 91,2% |
| 4 | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội | 6.145.608.400 | 5.693.320.000 | 92,6% |
| 5 | Chi y tế, dân số và gia đình | 1.029.127.000 | 1.014.260.900 | 98,6% |
| 6 | Chi văn hóa thông tin | 360.974.160 | 360.974.160 | 100,0% |
| 7 | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | 91.361.570 | 91.361.570 | 100,0% |
| 8 | Chi thể dục thể thao | 353.840.000 | 353.470.000 | 99,9% |
| 9 | Chi bảo vệ môi trường | 23.400.000 | 5.500.000 | 23,5% |
| 10 | Chi các hoạt động kinh tế | 904.099.005 | 860.666.055 | 95,2% |
| 11 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | 18.426.303.293 | 17.614.700.661 | 95,6% |
| 12 | Chi bảo đảm xã hội | 1.350.741.209 | 1.145.600.709 | 84,8% |
| 13 | Chi thường xuyên khác | | | |
| III | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay | 0 | 0 | |
| IV | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 0 | 0 | |
| V | Dự phòng ngân sách | 0 | 0 | |
| VI | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | 0 | 0 | |
| B | CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU | 235.132.979.767 | 228.078.719.984 | 97,0% |
| 1 | Chi đầu tư | | | |
| 2 | Chi thường xuyên | 235.132.979.767 | 228.078.719.984 | 97,0% |
| 2.1 | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 138.827.601.000 | 137.458.837.805 | 99,0% |
| 2.2 | Chi khoa học và công nghệ (2) | | | |
| 2.3 | Chi quốc phòng | 1.875.436.028 | 1.860.187.028 | 99,2% |
| 2.4 | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội | 1.924.533.600 | 1.842.083.600 | 95,7% |
| 2.5 | Chi y tế, dân số và gia đình | 8.863.136.485 | 8.835.542.354 | 99,7% |
| 2.6 | Chi văn hóa thông tin | 7.267.961.400 | 5.930.909.894 | 81,6% |
| 2.7 | Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn | 30.338.275 | 30.338.275 | 100,0% |
| 2.8 | Chi thể dục thể thao | 860.279.000 | 860.153.328 | 100,0% |
| 2.9 | Chi bảo vệ môi trường | 3.170.000.000 | 1.816.902.000 | 57,3% |
| 2.10 | Chi các hoạt động kinh tế | 1.367.300.000 | 1.239.432.000 | 90,6% |

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2025 | Quyết toán | So sánh (%) |
|------------|--|-------------------------|--------------------|--------------------|
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 |
| 2.11 | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | 55.700.668.214 | 53.258.059.935 | 95,6% |
| 2.12 | Chi bảo đảm xã hội | 15.245.725.765 | 14.946.273.765 | 98,0% |
| 2.13 | Chi thường xuyên khác | | | |
| C | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU | | 222.000.000 | |

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: đồng

| STT | Tên đơn vị | Dự toán (1) | | | | Quyết toán | | | | | | So sánh (%) | | | |
|----------|--|------------------------|--|---|-----------------------|------------------------|--|---|-----------------------|-----------------------|------------------|-------------|---|-----------------------|-----------------------|
| | | Tổng số | Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG) | Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG) | Chi chương trình MTQG | Tổng số | Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG) | Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG) | Chi chương trình MTQG | | | Tổng số | Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG) | Chi đầu tư phát triển | Chi chương trình MTQG |
| | | | | | | | | | Tổng số | Chi đầu tư phát triển | Chi thường xuyên | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | |
| | TỔNG SỐ | 266.983.985.860 | 0 | 266.983.985.860 | 0 | 258.454.428.497 | 0 | 258.454.428.497 | 0 | 0 | 0 | 97% | 97% | | |
| A | CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ | 266.659.335.860 | 0 | 266.659.335.860 | 0 | 257.907.778.497 | 0 | 257.907.778.497 | | | | 97% | 97% | | |
| 1 | Bảo hiểm xã hội | 3.677.264.000 | | 3.677.264.000 | | 3.677.264.000 | | 3.677.264.000 | | | | 100% | 100% | | |
| 2 | Uy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Phú Diễn | 7.067.861.625 | | 7.067.861.625 | | 6.618.245.168 | | 6.618.245.168 | | | | 94% | 94% | | |
| 3 | Văn phòng Đảng ủy phường Phú Diễn | 12.149.545.753 | | 12.149.545.753 | | 11.467.126.564 | | 11.467.126.564 | | | | 94% | 94% | | |
| 4 | Văn phòng HĐND&UBND phường Phú Diễn | 49.884.744.227 | | 49.884.744.227 | | 47.589.380.037 | | 47.589.380.037 | | | | 95% | 95% | | |
| 5 | Phòng Văn hóa - Xã hội phường Phú Diễn | 28.969.714.688 | | 28.969.714.688 | | 27.611.715.526 | | 27.611.715.526 | | | | 95% | 95% | | |
| 6 | Phòng Kinh tế, Hạ tầng & Đô thị phường Phú Diễn | 14.620.897.082 | | 14.620.897.082 | | 14.171.054.954 | | 14.171.054.954 | | | | 97% | 97% | | |
| 7 | Trạm y tế phường Phú Diễn | 5.482.972.485 | | 5.482.972.485 | | 5.482.958.354 | | 5.482.958.354 | | | | 100% | 100% | | |
| 8 | Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Phú Diễn | 3.524.900.000 | | 3.524.900.000 | | 2.171.802.000 | | 2.171.802.000 | | | | 62% | 62% | | |
| 9 | Trung tâm văn hóa - thông tin & thể thao phường Phú Diễn | 8.002.585.000 | | 8.002.585.000 | | 6.864.071.822 | | 6.864.071.822 | | | | 86% | 86% | | |
| 10 | Trường Mầm non Hồ Tùng Mậu | 9.121.116.000 | | 9.121.116.000 | | 9.121.116.000 | | 9.121.116.000 | | | | 100% | 100% | | |
| 11 | Trường Mầm non Hòa Mi | 9.852.383.000 | | 9.852.383.000 | | 9.852.383.000 | | 9.852.383.000 | | | | 100% | 100% | | |
| 12 | Trường Mầm non Mai Dịch | 192.324.000 | | 192.324.000 | | 132.695.500 | | 132.695.500 | | | | 69% | 69% | | |
| 13 | Trường Mầm non Phú Diễn A | 5.686.055.000 | | 5.686.055.000 | | 5.666.565.000 | | 5.666.565.000 | | | | 100% | 100% | | |
| 14 | Trường Mầm non Phú Diễn | 9.410.844.000 | | 9.410.844.000 | | 9.333.713.395 | | 9.333.713.395 | | | | 99% | 99% | | |
| 15 | Trường Mầm non Phúc Diễn | 8.359.237.000 | | 8.359.237.000 | | 8.359.237.000 | | 8.359.237.000 | | | | 100% | 100% | | |
| 16 | Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu | 9.022.532.000 | | 9.022.532.000 | | 8.862.912.000 | | 8.862.912.000 | | | | 98% | 98% | | |
| 17 | Trường Tiểu học Nguyễn Khả Trạc | 13.809.876.000 | | 13.809.876.000 | | 13.728.563.267 | | 13.728.563.267 | | | | 99% | 99% | | |
| 18 | Trường Tiểu học Phú Diễn | 10.461.187.000 | | 10.461.187.000 | | 10.133.170.530 | | 10.133.170.530 | | | | 97% | 97% | | |
| 19 | Trường Tiểu học Phúc Diễn | 20.356.360.000 | | 20.356.360.000 | | 20.056.920.000 | | 20.056.920.000 | | | | 99% | 99% | | |
| 20 | Trường THCS Phú Diễn A | 6.997.846.000 | | 6.997.846.000 | | 6.997.798.380 | | 6.997.798.380 | | | | 100% | 100% | | |
| 21 | Trường THCS Phú Diễn | 15.447.347.000 | | 15.447.347.000 | | 15.447.344.500 | | 15.447.344.500 | | | | 100% | 100% | | |
| 22 | Trường THCS Phúc Diễn | 14.561.744.000 | | 14.561.744.000 | | 14.561.741.500 | | 14.561.741.500 | | | | 100% | 100% | | |
| B | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU | | | | | 222.000.000 | | 222.000.000 | | | | | | | |
| C | CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN | 324.650.000 | | 324.650.000 | | 324.650.000 | | 324.650.000 | | | | 100% | 100% | | |

QUYẾT TOÁN CHI, TRẢ NỢ NSDP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2025

Đơn vị : Đồng

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|----------------|--------|------|-------|------|----------|------------------------|
| Tổng số | | | | | | 258.454.428.497 |
| Cấp IV | | | | | | 258.454.428.497 |
| Cấp IV | 800 | | | | | 258.454.428.497 |
| Cấp IV | 800 | 010 | | | | 3.410.830.219 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | | | 3.410.830.219 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6100 | | 131.019.600 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6100 | 6114 | 11.250.000 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6100 | 6149 | 119.769.600 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6300 | | 18.656.400 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6300 | 6301 | 14.304.000 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6300 | 6302 | 4.352.400 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6350 | | 1.622.619.559 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6350 | 6353 | 176.876.325 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6350 | 6399 | 1.445.743.234 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6550 | | 4.990.000 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6550 | 6599 | 4.990.000 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6650 | | 4.470.000 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6650 | 6699 | 4.470.000 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6750 | | 24.846.000 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6750 | 6751 | 6.900.000 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 6750 | 6799 | 17.946.000 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 7000 | | 1.553.798.660 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 7000 | 7049 | 1.553.798.660 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 7750 | | 50.430.000 |
| Cấp IV | 800 | 010 | 011 | 7750 | 7799 | 50.430.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | | | | 7.535.403.600 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | | | 7.535.403.600 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 6300 | | 259.374.600 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 6300 | 6301 | 218.196.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 6300 | 6302 | 41.178.600 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 6350 | | 7.157.884.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 6350 | 6399 | 7.157.884.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 6400 | | 3.600.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 6400 | 6449 | 3.600.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 6650 | | 6.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 6650 | 6651 | 6.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 7000 | | 59.970.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 7000 | 7049 | 59.970.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 7750 | | 47.775.000 |
| Cấp IV | 800 | 040 | 041 | 7750 | 7799 | 47.775.000 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|-----------------|
| Cấp IV | 800 | 070 | | | | 138.597.399.072 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | | | 42.465.709.895 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6000 | | 17.417.133.023 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6000 | 6001 | 17.375.644.559 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6000 | 6003 | 41.488.464 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6050 | | 2.646.767.831 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6050 | 6051 | 2.646.767.831 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6100 | | 8.765.645.894 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6100 | 6101 | 272.213.153 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6100 | 6112 | 5.996.824.405 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6100 | 6113 | 8.126.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6100 | 6115 | 2.459.282.336 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6100 | 6149 | 29.200.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6150 | | 14.305.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6150 | 6156 | 1.085.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6150 | 6157 | 6.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6150 | 6199 | 6.720.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6200 | | 1.849.847.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6200 | 6201 | 178.531.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6200 | 6202 | 22.230.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6200 | 6249 | 1.649.086.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6250 | | 35.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6250 | 6254 | 35.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6300 | | 5.558.592.979 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6300 | 6301 | 4.151.379.141 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6300 | 6302 | 705.446.846 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6300 | 6303 | 469.882.127 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6300 | 6304 | 231.884.865 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6500 | | 948.245.242 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6500 | 6501 | 533.329.829 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6500 | 6502 | 339.207.925 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6500 | 6504 | 71.966.488 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6500 | 6549 | 3.741.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6550 | | 138.779.820 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6550 | 6551 | 128.585.220 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6550 | 6599 | 10.194.600 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6600 | | 51.919.280 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6600 | 6601 | 2.106.508 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6600 | 6605 | 49.812.772 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6700 | | 59.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6700 | 6704 | 59.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6750 | | 839.473.282 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6750 | 6757 | 828.673.282 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6750 | 6799 | 10.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6900 | | 325.766.673 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|----------------|
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6900 | 6907 | 305.773.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6900 | 6912 | 5.691.600 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 6900 | 6921 | 14.302.073 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7000 | | 236.607.380 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7000 | 7004 | 11.003.200 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7000 | 7049 | 225.604.180 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7050 | | 85.200.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7050 | 7053 | 85.200.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7200 | | 5.016.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7200 | 7249 | 5.016.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7750 | | 1.520.088.100 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7750 | 7756 | 1.060.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7750 | 7757 | 10.010.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7750 | 7766 | 1.391.295.500 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7750 | 7799 | 117.722.600 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7950 | | 1.967.822.391 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7950 | 7951 | 250.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7950 | 7952 | 948.482.114 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7950 | 7953 | 242.738.431 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 071 | 7950 | 7954 | 526.601.846 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | | | 54.852.725.797 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6000 | | 18.449.257.315 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6000 | 6001 | 18.449.257.315 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6050 | | 541.486.200 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6050 | 6051 | 541.486.200 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6100 | | 9.713.756.641 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6100 | 6101 | 310.442.560 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6100 | 6105 | 73.838.220 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6100 | 6112 | 6.266.867.021 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6100 | 6113 | 51.386.400 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6100 | 6115 | 2.959.204.240 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6100 | 6149 | 52.018.200 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6150 | | 5.240.962.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6150 | 6157 | 35.082.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6150 | 6199 | 5.205.880.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6200 | | 1.850.745.309 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6200 | 6201 | 464.520.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6200 | 6202 | 20.480.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6200 | 6249 | 1.365.745.309 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6250 | | 10.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6250 | 6299 | 10.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6300 | | 5.273.200.541 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6300 | 6301 | 4.002.427.871 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6300 | 6302 | 683.130.438 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6300 | 6303 | 330.795.545 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|----------------|
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6300 | 6304 | 256.846.687 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6500 | | 555.538.614 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6500 | 6501 | 362.792.754 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6500 | 6502 | 57.613.275 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6500 | 6504 | 135.132.585 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6550 | | 177.406.289 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6550 | 6551 | 40.986.900 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6550 | 6553 | 95.700.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6550 | 6599 | 40.719.389 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6600 | | 56.022.942 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6600 | 6601 | 1.667.942 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6600 | 6605 | 50.960.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6600 | 6608 | 3.395.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6700 | | 97.980.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6700 | 6704 | 97.980.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6750 | | 2.728.933.234 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6750 | 6751 | 9.900.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6750 | 6757 | 2.557.798.294 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6750 | 6799 | 161.234.940 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6900 | | 344.648.700 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6900 | 6912 | 148.107.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6900 | 6913 | 127.119.700 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 6900 | 6949 | 69.422.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7000 | | 740.082.588 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7000 | 7001 | 205.725.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7000 | 7004 | 20.318.880 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7000 | 7012 | 28.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7000 | 7049 | 486.038.708 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7050 | | 51.296.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7050 | 7053 | 51.296.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7750 | | 5.366.019.100 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7750 | 7753 | 0 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7750 | 7756 | 1.178.100 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7750 | 7799 | 5.364.841.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7950 | | 3.041.775.324 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7950 | 7951 | 1.310.120.422 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7950 | 7952 | 1.269.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7950 | 7953 | 145.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 7950 | 7954 | 316.854.902 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 8000 | | 613.115.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 072 | 8000 | 8006 | 613.115.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | | | 37.006.884.380 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6000 | | 16.977.731.461 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6000 | 6001 | 16.977.731.461 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6050 | | 711.765.078 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|---------------|
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6050 | 6051 | 711.765.078 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6100 | | 8.026.179.161 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6100 | 6101 | 168.689.109 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6100 | 6105 | 107.890.932 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6100 | 6112 | 5.019.453.049 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6100 | 6113 | 85.838.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6100 | 6115 | 2.644.308.071 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6150 | | 44.275.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6150 | 6156 | 775.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6150 | 6157 | 43.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6200 | | 1.738.892.880 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6200 | 6201 | 303.218.880 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6200 | 6249 | 1.435.674.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6300 | | 4.790.676.516 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6300 | 6301 | 3.592.964.206 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6300 | 6302 | 616.352.834 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6300 | 6303 | 363.931.592 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6300 | 6304 | 217.427.884 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6500 | | 150.262.470 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6500 | 6501 | 117.630.165 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6500 | 6502 | 17.724.378 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6500 | 6504 | 14.907.927 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6550 | | 138.710.217 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6550 | 6551 | 106.860.217 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6550 | 6553 | 31.850.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6600 | | 29.930.263 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6600 | 6601 | 1.867.263 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6600 | 6605 | 22.165.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6600 | 6608 | 5.898.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6700 | | 29.912.223 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6700 | 6704 | 29.912.223 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6750 | | 1.921.966.531 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6750 | 6754 | 10.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6750 | 6757 | 1.799.281.531 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 6750 | 6799 | 111.885.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7000 | | 230.728.400 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7000 | 7001 | 2.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7000 | 7004 | 3.229.200 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7000 | 7049 | 224.999.200 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7050 | | 5.350.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7050 | 7053 | 5.350.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7750 | | 268.396.500 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7750 | 7766 | 26.581.500 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7750 | 7799 | 241.815.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7950 | | 1.942.107.680 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|---------------|
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7950 | 7951 | 606.011.844 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7950 | 7952 | 1.053.691.834 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7950 | 7953 | 55.452.208 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 073 | 7950 | 7954 | 226.951.794 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | | | 4.272.079.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 6150 | | 3.423.682.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 6150 | 6156 | 3.423.082.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 6150 | 6157 | 600.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 6600 | | 4.872.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 6600 | 6606 | 4.872.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 6650 | | 70.945.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 6650 | 6699 | 70.945.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 7000 | | 76.367.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 7000 | 7049 | 76.367.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 7750 | | 696.213.000 |
| Cấp IV | 800 | 070 | 098 | 7750 | 7766 | 696.213.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | | | | 9.849.803.254 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | | | 9.607.063.254 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6000 | | 1.488.097.055 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6000 | 6001 | 1.488.097.055 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6050 | | 51.239.316 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6050 | 6051 | 51.239.316 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6100 | | 639.831.226 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6100 | 6101 | 10.530.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6100 | 6107 | 22.932.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6100 | 6112 | 577.488.693 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6100 | 6113 | 2.340.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6100 | 6114 | 14.306.400 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6100 | 6115 | 8.724.133 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6100 | 6123 | 3.510.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6200 | | 352.971.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6200 | 6249 | 352.971.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6300 | | 334.341.754 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6300 | 6301 | 272.161.760 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6300 | 6302 | 46.656.303 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6300 | 6304 | 15.523.691 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6500 | | 61.180.686 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6500 | 6501 | 48.684.258 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6500 | 6502 | 5.389.375 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6500 | 6503 | 5.599.735 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6500 | 6504 | 1.507.318 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6550 | | 101.365.868 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6550 | 6551 | 13.625.560 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6550 | 6553 | 15.180.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6550 | 6599 | 72.560.308 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|---------------|
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6600 | | 36.025.550 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6600 | 6601 | 222.450 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6600 | 6605 | 4.290.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6600 | 6606 | 31.513.100 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6650 | | 72.550.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6650 | 6652 | 500.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6650 | 6699 | 72.050.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6700 | | 63.400.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6700 | 6704 | 63.400.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6750 | | 104.077.600 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6750 | 6754 | 9.720.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6750 | 6757 | 94.357.600 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6900 | | 87.253.660 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6900 | 6912 | 23.971.540 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6900 | 6913 | 16.782.120 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6900 | 6921 | 31.100.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 6900 | 6949 | 15.400.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7000 | | 1.323.612.004 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7000 | 7001 | 105.750.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7000 | 7004 | 43.939.770 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7000 | 7049 | 1.173.922.234 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7050 | | 27.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7050 | 7053 | 27.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7150 | | 478.073.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7150 | 7155 | 478.073.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7450 | | 3.578.621.700 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7450 | 7451 | 3.578.621.700 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7750 | | 58.137.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7750 | 7756 | 3.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7750 | 7799 | 55.137.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7950 | | 749.285.835 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7950 | 7951 | 400.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7950 | 7952 | 244.957.705 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7950 | 7953 | 24.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 131 | 7950 | 7954 | 80.328.130 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 134 | | | 21.170.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 134 | 6600 | | 1.750.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 134 | 6600 | 6606 | 1.750.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 134 | 6650 | | 6.960.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 134 | 6650 | 6699 | 6.960.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 134 | 7000 | | 12.460.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 134 | 7000 | 7049 | 12.460.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 139 | | | 199.770.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 139 | 6650 | | 6.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 139 | 6650 | 6652 | 500.000 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|---------------|
| Cấp IV | 800 | 130 | 139 | 6650 | 6699 | 6.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 139 | 7000 | | 173.470.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 139 | 7000 | 7049 | 173.470.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 139 | 7750 | | 19.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 139 | 7750 | 7799 | 19.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 151 | | | 21.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 151 | 6650 | | 7.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 151 | 6650 | 6652 | 500.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 151 | 6650 | 6699 | 6.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 151 | 7000 | | 8.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 151 | 7000 | 7049 | 8.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 151 | 7750 | | 6.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 130 | 151 | 7750 | 7799 | 6.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | | | | 6.291.884.054 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | | | 6.291.884.054 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6000 | | 1.550.166.813 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6000 | 6001 | 1.550.166.813 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6050 | | 230.165.059 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6050 | 6051 | 230.165.059 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6100 | | 229.120.038 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6100 | 6101 | 24.102.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6100 | 6105 | 175.755.168 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6100 | 6113 | 1.638.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6100 | 6115 | 4.078.620 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6100 | 6124 | 23.546.250 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6200 | | 156.178.080 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6200 | 6249 | 156.178.080 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6300 | | 442.439.097 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6300 | 6301 | 343.669.437 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6300 | 6302 | 59.733.980 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6300 | 6303 | 20.218.301 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6300 | 6304 | 18.817.379 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6350 | | 17.491.500 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6350 | 6353 | 17.491.500 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6500 | | 200.495.493 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6500 | 6501 | 150.598.143 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6500 | 6502 | 49.897.350 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6550 | | 35.144.620 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6550 | 6551 | 12.167.620 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6550 | 6599 | 22.977.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6600 | | 237.789.560 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6600 | 6601 | 370.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6600 | 6605 | 14.820.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6600 | 6606 | 222.599.560 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6650 | | 71.250.000 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|---------------|
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6650 | 6699 | 71.250.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6700 | | 97.300.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6700 | 6704 | 97.300.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6750 | | 732.620.800 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6750 | 6757 | 190.542.400 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6750 | 6799 | 542.078.400 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6900 | | 36.643.500 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6900 | 6921 | 20.952.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 6900 | 6949 | 15.691.500 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 7000 | | 1.774.848.294 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 7000 | 7001 | 685.339.076 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 7000 | 7049 | 1.089.509.218 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 7050 | | 5.050.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 7050 | 7053 | 5.050.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 7750 | | 76.396.200 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 7750 | 7799 | 76.396.200 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 7850 | | 398.785.000 |
| Cấp IV | 800 | 160 | 161 | 7850 | 7852 | 398.785.000 |
| Cấp IV | 800 | 190 | | | | 121.699.845 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | | | 121.699.845 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6300 | | 2.501.100 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6300 | 6301 | 1.764.000 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6300 | 6302 | 737.100 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6350 | | 25.110.225 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6350 | 6353 | 25.110.225 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6500 | | 398.520 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6500 | 6501 | 398.520 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6550 | | 3.150.000 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6550 | 6551 | 3.150.000 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6900 | | 45.050.000 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 6900 | 6949 | 45.050.000 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 7000 | | 37.490.000 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 7000 | 7001 | 6.850.000 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 7000 | 7049 | 30.640.000 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 7750 | | 8.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 190 | 191 | 7750 | 7799 | 8.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 220 | | | | 1.213.623.328 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | | | 1.213.623.328 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 6500 | | 98.775.548 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 6500 | 6501 | 95.918.948 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 6500 | 6502 | 2.856.600 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 6550 | | 3.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 6550 | 6551 | 3.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 6750 | | 58.770.000 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 6750 | 6751 | 9.650.000 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|---------------|
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 6750 | 6799 | 49.120.000 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 7000 | | 1.048.677.780 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 7000 | 7001 | 161.396.280 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 7000 | 7049 | 887.281.500 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 7750 | | 4.400.000 |
| Cấp IV | 800 | 220 | 221 | 7750 | 7799 | 4.400.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | | | | 1.822.402.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 261 | | | 1.771.902.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 261 | 6500 | | 1.771.902.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 261 | 6500 | 6504 | 1.771.902.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 278 | | | 50.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 278 | 6600 | | 27.300.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 278 | 6600 | 6606 | 27.300.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 278 | 6650 | | 18.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 278 | 6650 | 6652 | 1.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 278 | 6650 | 6699 | 17.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 278 | 7750 | | 5.200.000 |
| Cấp IV | 800 | 250 | 278 | 7750 | 7799 | 5.200.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | | | | 2.100.098.055 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 281 | | | 38.276.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 281 | 7000 | | 38.276.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 281 | 7000 | 7049 | 38.276.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 332 | | | 672.403.005 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 332 | 6550 | | 11.835.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 332 | 6550 | 6551 | 11.835.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 332 | 6750 | | 20.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 332 | 6750 | 6754 | 20.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 332 | 7000 | | 258.776.005 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 332 | 7000 | 7049 | 258.776.005 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 332 | 7750 | | 381.792.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 332 | 7750 | 7799 | 381.792.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | | | 1.389.419.050 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6550 | | 10.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6550 | 6551 | 10.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6600 | | 51.950.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6600 | 6606 | 51.950.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6650 | | 28.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6650 | 6652 | 1.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6650 | 6657 | 3.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6650 | 6699 | 24.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6750 | | 34.990.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6750 | 6751 | 16.740.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 6750 | 6757 | 18.250.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 7000 | | 1.167.272.300 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 7000 | 7001 | 46.011.000 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|----------------|
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 7000 | 7004 | 10.176.300 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 7000 | 7049 | 1.111.085.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 7750 | | 96.706.750 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 7750 | 7756 | 3.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 280 | 338 | 7750 | 7799 | 93.206.750 |
| Cấp IV | 800 | 340 | | | | 70.872.760.596 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | | | 46.208.195.631 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6000 | | 4.557.479.729 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6000 | 6001 | 4.557.479.729 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6050 | | 94.099.659 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6050 | 6051 | 94.099.659 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6100 | | 1.899.966.236 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6100 | 6101 | 87.801.739 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6100 | 6105 | 522.684.662 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6100 | 6113 | 88.917.444 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6100 | 6114 | 5.980.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6100 | 6115 | 3.408.110 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6100 | 6124 | 1.135.201.481 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6100 | 6149 | 55.972.800 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6200 | | 1.029.905.120 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6200 | 6202 | 7.020.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6200 | 6249 | 1.022.885.120 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6250 | | 906.120.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6250 | 6299 | 906.120.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6300 | | 1.083.170.521 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6300 | 6301 | 902.528.660 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6300 | 6302 | 133.045.241 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6300 | 6303 | 44.732.298 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6300 | 6304 | 903.636 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6300 | 6349 | 1.960.686 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6350 | | 6.909.302.284 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6350 | 6353 | 4.580.330.284 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6350 | 6399 | 2.328.972.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6400 | | 4.206.459.704 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6400 | 6404 | 4.065.423.704 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6400 | 6449 | 141.036.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6500 | | 420.696.426 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6500 | 6501 | 352.826.414 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6500 | 6502 | 65.419.394 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6500 | 6504 | 2.450.618 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6550 | | 765.232.489 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6550 | 6551 | 445.468.378 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6550 | 6552 | 140.553.811 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6550 | 6599 | 179.210.300 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6600 | | 388.624.612 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|----------------|
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6600 | 6601 | 19.676.705 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6600 | 6605 | 86.689.157 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6600 | 6606 | 104.326.800 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6600 | 6608 | 177.931.950 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6650 | | 434.964.800 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6650 | 6651 | 24.051.800 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6650 | 6652 | 500.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6650 | 6699 | 410.413.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6700 | | 0 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6700 | 6703 | 0 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6750 | | 924.963.340 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6750 | 6751 | 1.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6750 | 6754 | 62.625.820 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6750 | 6757 | 752.310.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6750 | 6799 | 108.527.520 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6900 | | 3.221.851.504 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6900 | 6901 | 26.179.200 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6900 | 6907 | 1.679.329.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6900 | 6912 | 159.743.304 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6900 | 6913 | 33.108.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6900 | 6949 | 1.323.492.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6950 | | 638.867.801 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6950 | 6955 | 75.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6950 | 6956 | 164.992.801 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 6950 | 6999 | 398.875.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7000 | | 2.389.323.794 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7000 | 7001 | 714.737.424 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7000 | 7004 | 37.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7000 | 7049 | 1.637.586.370 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7050 | | 62.830.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7050 | 7053 | 62.830.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7250 | | 122.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7250 | 7252 | 122.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7450 | | 167.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7450 | 7499 | 167.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7750 | | 1.329.478.772 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7750 | 7756 | 8.608.800 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 7750 | 7799 | 1.320.869.972 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 8000 | | 14.654.858.840 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 8000 | 8006 | 2.379.538.688 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 341 | 8000 | 8049 | 12.275.320.152 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | | | 14.826.099.542 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6000 | | 331.200.262 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6000 | 6001 | 331.200.262 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6100 | | 127.286.055 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|----------------|
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6100 | 6101 | 15.141.555 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6100 | 6113 | 9.828.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6100 | 6123 | 12.636.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6100 | 6124 | 89.680.500 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6300 | | 84.162.062 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6300 | 6301 | 72.414.231 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6300 | 6302 | 9.074.831 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6300 | 6303 | 2.673.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6350 | | 1.179.593.209 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6350 | 6353 | 189.773.209 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6350 | 6399 | 989.820.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6400 | | 165.132.630 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6400 | 6404 | 165.132.630 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6550 | | 15.913.110 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6550 | 6551 | 15.913.110 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6600 | | 71.383.900 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6600 | 6601 | 1.607.100 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6600 | 6605 | 5.064.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6600 | 6606 | 19.900.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6600 | 6608 | 44.812.800 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6650 | | 532.234.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 6650 | 6699 | 532.234.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 7000 | | 38.215.600 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 7000 | 7049 | 38.215.600 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 7750 | | 127.260.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 7750 | 7799 | 127.260.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 7850 | | 12.153.718.714 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 7850 | 7851 | 81.763.550 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 7850 | 7852 | 1.338.726.400 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 7850 | 7853 | 1.881.696.400 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 7850 | 7854 | 8.725.598.364 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 351 | 7850 | 7899 | 125.934.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | | | 9.489.768.663 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6000 | | 773.955.749 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6000 | 6001 | 773.955.749 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6100 | | 315.921.286 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6100 | 6101 | 32.278.076 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6100 | 6105 | 45.884.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6100 | 6113 | 3.510.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6100 | 6116 | 2.340.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6100 | 6123 | 55.163.160 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6100 | 6124 | 176.278.050 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6100 | 6149 | 468.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6200 | | 78.750.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6200 | 6249 | 78.750.000 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|----------------|
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6250 | | 93.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6250 | 6299 | 93.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6300 | | 136.767.775 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6300 | 6301 | 112.098.072 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6300 | 6302 | 21.067.703 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6300 | 6303 | 3.602.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6350 | | 3.109.021.200 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6350 | 6353 | 1.974.823.200 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6350 | 6399 | 1.134.198.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6400 | | 742.353.700 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6400 | 6404 | 742.353.700 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6500 | | 13.669.254 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6500 | 6501 | 13.669.254 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6550 | | 41.459.405 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6550 | 6551 | 32.479.605 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6550 | 6552 | 2.600.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6550 | 6599 | 6.379.800 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6600 | | 9.567.169 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6600 | 6605 | 9.567.169 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6650 | | 1.830.854.500 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6650 | 6699 | 1.830.854.500 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6750 | | 10.200.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6750 | 6754 | 5.200.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 6750 | 6799 | 5.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 7000 | | 1.187.041.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 7000 | 7049 | 1.187.041.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 7050 | | 15.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 7050 | 7053 | 15.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 7750 | | 270.807.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 7750 | 7799 | 270.807.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 8000 | | 860.900.625 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 361 | 8000 | 8049 | 860.900.625 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 362 | | | 348.696.760 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 362 | 6350 | | 207.230.400 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 362 | 6350 | 6353 | 186.170.400 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 362 | 6350 | 6399 | 21.060.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 362 | 6650 | | 7.810.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 362 | 6650 | 6699 | 7.810.000 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 362 | 7000 | | 101.761.560 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 362 | 7000 | 7049 | 101.761.560 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 362 | 7750 | | 31.894.800 |
| Cấp IV | 800 | 340 | 362 | 7750 | 7799 | 31.894.800 |
| Cấp IV | 800 | 370 | | | | 16.091.874.474 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 371 | | | 224.300.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 371 | 7450 | | 222.800.000 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|--------|--------|------|-------|------|----------|----------------|
| Cấp IV | 800 | 370 | 371 | 7450 | 7499 | 222.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 371 | 7750 | | 1.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 371 | 7750 | 7799 | 1.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | | | 136.729.809 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 6350 | | 84.240.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 6350 | 6399 | 84.240.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 6550 | | 500.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 6550 | 6552 | 500.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 6650 | | 13.320.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 6650 | 6699 | 13.320.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 7000 | | 22.797.800 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 7000 | 7001 | 18.937.800 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 7000 | 7049 | 3.860.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 7750 | | 15.872.009 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 372 | 7750 | 7799 | 15.872.009 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 374 | | | 272.630.900 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 374 | 6300 | | 2.211.300 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 374 | 6300 | 6302 | 2.211.300 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 374 | 7250 | | 270.419.600 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 374 | 7250 | 7251 | 4.419.600 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 374 | 7250 | 7262 | 266.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | | | 15.458.213.765 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 6350 | | 118.278.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 6350 | 6399 | 118.278.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 6600 | | 2.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 6600 | 6606 | 2.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 6650 | | 10.150.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 6650 | 6699 | 10.150.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7000 | | 70.707.765 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7000 | 7049 | 70.707.765 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7150 | | 4.520.400.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7150 | 7151 | 3.265.500.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7150 | 7152 | 280.800.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7150 | 7162 | 966.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7150 | 7199 | 8.100.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7450 | | 10.482.928.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7450 | 7455 | 2.588.250.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7450 | 7457 | 300.713.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7450 | 7499 | 7.593.965.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7750 | | 253.250.000 |
| Cấp IV | 800 | 370 | 398 | 7750 | 7799 | 253.250.000 |
| Cấp IV | 800 | 430 | | | | 546.650.000 |
| Cấp IV | 800 | 430 | 433 | | | 324.650.000 |
| Cấp IV | 800 | 430 | 433 | 7700 | | 324.650.000 |
| Cấp IV | 800 | 430 | 433 | 7700 | 7749 | 324.650.000 |

| Cấp | Chương | Loại | Khoản | Mục | Tiểu mục | Số QT |
|------------|---------------|-------------|--------------|------------|-----------------|--------------|
| Cấp IV | 800 | 430 | 434 | | | 222.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 430 | 434 | 0950 | | 222.000.000 |
| Cấp IV | 800 | 430 | 434 | 0950 | 0965 | 222.000.000 |
| Cấp IV | 860 | | | | | 0 |
| Cấp IV | 860 | 130 | | | | 0 |
| Cấp IV | 860 | 130 | 131 | | | 0 |
| Cấp IV | 860 | 130 | 131 | 7450 | | 0 |
| Cấp IV | 860 | 130 | 131 | 7450 | 7451 | 0 |
| Cấp IV | 860 | 370 | | | | 0 |
| Cấp IV | 860 | 370 | 398 | | | 0 |
| Cấp IV | 860 | 370 | 398 | 7450 | | 0 |
| Cấp IV | 860 | 370 | 398 | 7450 | 7457 | 0 |
| Cấp IV | 860 | 430 | | | | 0 |
| Cấp IV | 860 | 430 | 434 | | | 0 |
| Cấp IV | 860 | 430 | 434 | 0950 | | 0 |
| Cấp IV | 860 | 430 | 434 | 0950 | 0965 | 0 |

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: đồng

| STT | Tên đơn vị | Dự toán | Quyết toán | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | Chi quốc phòng | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội | Chi y tế, dân số và gia đình | Chi văn hóa thông tin | Chi phát thanh, truyền hình, thông tin | Chi thể dục thể thao | Chi bảo vệ môi trường | Chi các hoạt động kinh tế | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | Chi bảo đảm xã hội | Chi khác | Số sánh (%) |
|-----|---|------------------------|------------------------|--|----------------------|--|---------------------------------|--------------------------|--|-------------------------|--------------------------|------------------------------|--|-----------------------|----------|----------------|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 18= 2/1 |
| | TỔNG SỐ | 266.659.335.860 | 257.907.778.497 | 138.597.399.072 | 3.410.830.219 | 7.535.403.600 | 9.849.803.254 | 6.291.884.054 | 121.699.845 | 1.213.623.328 | 1.822.402.000 | 2.100.098.055 | 70.872.760.596 | 16.091.874.474 | 0 | |
| 1 | Bảo hiểm xã hội | 3.677.264.000 | 3.677.264.000 | | | | 3.376.551.000 | | | | | | | 300.713.000 | | |
| 2 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Phú Diễn | 7.067.861.625 | 6.618.245.168 | | | | | | | | | | 6.618.245.168 | | | |
| 3 | Văn phòng Đảng ủy phường Phú Diễn | 12.149.545.753 | 11.467.126.564 | | | | | | | | | | 11.467.126.564 | | | |
| 4 | Văn phòng HĐND&UBND phường Phú Diễn | 49.884.744.227 | 47.589.380.037 | | 3.410.830.219 | 7.535.403.600 | 292.740.000 | 267.222.560 | 61.699.845 | 153.189.000 | | 285.989.005 | 34.344.594.834 | 1.237.710.974 | | |
| 5 | Phòng Văn hóa - Xã hội phường Phú Diễn | 28.969.714.688 | 27.611.715.526 | 6.343.239.000 | | | 697.553.900 | 281.024.000 | | | | | 5.736.448.126 | 14.553.450.500 | | |
| 6 | Phòng Kinh tế, Hạ tầng & Đô thị phường Phú Diễn | 14.620.897.082 | 14.171.054.954 | | | | | | | | 50.500.000 | 1.714.109.050 | 12.406.445.904 | | | |
| 7 | Trạm y tế phường Phú Diễn | 5.482.972.485 | 5.482.958.354 | | | | 5.482.958.354 | | | | | | | | | |
| 8 | Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Phú Diễn | 3.524.900.000 | 2.171.802.000 | | | | | | | | 1.771.902.000 | 100.000.000 | 299.900.000 | | | |
| 9 | Trung tâm văn hóa - thông tin & thể thao phường Phú Diễn | 8.002.585.000 | 6.864.071.822 | | | | | 5.743.637.494 | 60.000.000 | 1.060.434.328 | | | | | | |
| 10 | Trường Mầm non Hồ Tùng Mậu | 9.121.116.000 | 9.121.116.000 | 9.121.116.000 | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Trường Mầm non Hoa Mi | 9.852.383.000 | 9.852.383.000 | 9.852.383.000 | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Trường Mầm non Mai Dịch | 192.324.000 | 132.695.500 | 132.695.500 | | | | | | | | | | | | |
| 13 | Trường Mầm non Phú Diễn A | 5.686.055.000 | 5.666.565.000 | 5.666.565.000 | | | | | | | | | | | | |
| 14 | Trường Mầm non Phú Diễn | 9.410.844.000 | 9.333.713.395 | 9.333.713.395 | | | | | | | | | | | | |
| 15 | Trường Mầm non Phúc Diễn | 8.359.237.000 | 8.359.237.000 | 8.359.237.000 | | | | | | | | | | | | |
| 16 | Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu | 9.022.532.000 | 8.862.912.000 | 8.862.912.000 | | | | | | | | | | | | |
| 17 | Trường Tiểu học Nguyễn Khả Trạc | 13.809.876.000 | 13.728.563.267 | 13.728.563.267 | | | | | | | | | | | | |
| 18 | Trường Tiểu học Phú Diễn | 10.461.187.000 | 10.133.170.530 | 10.133.170.530 | | | | | | | | | | | | |
| 19 | Trường Tiểu học Phúc Diễn | 20.356.360.000 | 20.056.920.000 | 20.056.920.000 | | | | | | | | | | | | |
| 20 | Trường THCS Phú Diễn A | 6.997.846.000 | 6.997.798.380 | 6.997.798.380 | | | | | | | | | | | | |
| 21 | Trường THCS Phú Diễn | 15.447.347.000 | 15.447.344.500 | 15.447.344.500 | | | | | | | | | | | | |
| 22 | Trường THCS Phúc Diễn | 14.561.744.000 | 14.561.741.500 | 14.561.741.500 | | | | | | | | | | | | |

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH PHƯỜNG CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN
NĂM 2025**

Đơn vị: đồng

| STT | Tên đơn vị | Dự toán giao | Bao gồm | | Kinh phí thực hiện trong năm | Nguồn còn lại | Trong đó | |
|----------|--|------------------------|-----------------|--|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | | | Dự toán đầu năm | Điều chỉnh, Bổ sung trong năm (nếu có) | | | Chuyển nguồn năm sau | Hủy bỏ |
| A | B | 1=2+3 | 2 | 3 | 4 | 5=1-4 | 6 | 7 |
| A | CÁC ĐƠN VỊ THUỘC PHƯỜNG | 266.659.335.860 | 0 | 266.659.335.860 | 257.907.778.497 | 8.751.557.363 | 222.000.000 | 8.529.557.363 |
| 1 | Bảo hiểm xã hội cơ sở Tây Tựu và cơ sở Cầu Giấy | 3.677.264.000 | 0 | 3.677.264.000 | 3.677.264.000 | 0 | | 0 |
| 2 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Phú Diễn | 7.067.861.625 | 0 | 7.067.861.625 | 6.618.245.168 | 449.616.457 | | 449.616.457 |
| 3 | Văn phòng Đảng ủy phường Phú Diễn | 12.149.545.753 | 0 | 12.149.545.753 | 11.467.126.564 | 682.419.189 | | 682.419.189 |
| 4 | Văn phòng HĐND&UBND phường Phú Diễn | 49.884.744.227 | 0 | 49.884.744.227 | 47.589.380.037 | 2.295.364.190 | | 2.295.364.190 |
| 5 | Phòng Văn hóa - Xã hội phường Phú Diễn | 28.969.714.688 | 0 | 28.969.714.688 | 27.611.715.526 | 1.357.999.162 | | 1.357.999.162 |
| 6 | Phòng Kinh tế, Hạ tầng & Đô thị phường Phú Diễn | 14.620.897.082 | 0 | 14.620.897.082 | 14.171.054.954 | 449.842.128 | 122.000.000 | 327.842.128 |
| 7 | Trạm y tế phường Phú Diễn | 5.482.972.485 | 0 | 5.482.972.485 | 5.482.958.354 | 14.131 | | 14.131 |
| 8 | Ban QLDA đầu tư - hạ tầng phường Phú Diễn | 3.524.900.000 | 0 | 3.524.900.000 | 2.171.802.000 | 1.353.098.000 | 100.000.000 | 1.253.098.000 |
| 9 | Trung tâm văn hóa - thông tin & thể thao phường Phú Diễn | 8.002.585.000 | 0 | 8.002.585.000 | 6.864.071.822 | 1.138.513.178 | | 1.138.513.178 |
| 10 | Trường Mầm non Hồ Tùng Mậu | 9.121.116.000 | 0 | 9.121.116.000 | 9.121.116.000 | 0 | | 0 |
| 11 | Trường Mầm non Hòa Mi | 9.852.383.000 | 0 | 9.852.383.000 | 9.852.383.000 | 0 | | 0 |
| 12 | Trường Mầm non Mai Dịch | 192.324.000 | 0 | 192.324.000 | 132.695.500 | 59.628.500 | | 59.628.500 |
| 13 | Trường Mầm non Phú Diễn A | 5.686.055.000 | 0 | 5.686.055.000 | 5.666.565.000 | 19.490.000 | | 19.490.000 |

| STT | Tên đơn vị | Dự toán giao | Bao gồm | | Kinh phí thực hiện trong năm | Nguồn còn lại | Trong đó | |
|-----|---------------------------------|----------------|-----------------|--|------------------------------|---------------|----------------------|-------------|
| | | | Dự toán đầu năm | Điều chỉnh, Bổ sung trong năm (nếu có) | | | Chuyển nguồn năm sau | Hủy bỏ |
| 14 | Trường Mầm non Phú Diễn | 9.410.844.000 | 0 | 9.410.844.000 | 9.333.713.395 | 77.130.605 | | 77.130.605 |
| 15 | Trường Mầm non Phúc Diễn | 8.359.237.000 | 0 | 8.359.237.000 | 8.359.237.000 | 0 | | 0 |
| 16 | Trường Tiểu học Hồ Tùng Mậu | 9.022.532.000 | 0 | 9.022.532.000 | 8.862.912.000 | 159.620.000 | | 159.620.000 |
| 17 | Trường Tiểu học Nguyễn Khả Trạc | 13.809.876.000 | 0 | 13.809.876.000 | 13.728.563.267 | 81.312.733 | | 81.312.733 |
| 18 | Trường Tiểu học Phú Diễn | 10.461.187.000 | 0 | 10.461.187.000 | 10.133.170.530 | 328.016.470 | | 328.016.470 |
| 19 | Trường Tiểu học Phúc Diễn | 20.356.360.000 | 0 | 20.356.360.000 | 20.056.920.000 | 299.440.000 | | 299.440.000 |
| 20 | Trường THCS Phú Diễn A | 6.997.846.000 | 0 | 6.997.846.000 | 6.997.798.380 | 47.620 | | 47.620 |
| 21 | Trường THCS Phú Diễn | 15.447.347.000 | 0 | 15.447.347.000 | 15.447.344.500 | 2.500 | | 2.500 |
| 22 | Trường THCS Phúc Diễn | 14.561.744.000 | 0 | 14.561.744.000 | 14.561.741.500 | 2.500 | | 2.500 |

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH 2025

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | Địa điểm mở tài khoản | Mã dự án đầu tư | Tổng mức đầu tư | Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm 2025 | | Số vốn tạm ứng theo chế độ của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán | Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ của thu hồi hết năm ngân sách trước năm quyết toán | Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 | | | | | | | Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm 2025 | | | | | | Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN...(không bao gồm số vốn đã nộp giảm trừ tại cột 8) | Tổng cộng vốn đã thanh toán KLIHT quyết toán trong năm 2025 | Lấy kế vốn tạm ứng theo chế độ của thu hồi hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau | Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 |
|--|---|-----------------------|-----------------|-------------------|---|--|---|---|--|-----------|------------------|-------------|---|-----------------------------|---|---|------------------|---|-------------|---------------|------------|--|---|---|---|
| | | | | | Tổng số | Tr.đó: vốn tạm ứng theo chế độ của thu hồi | | | Vốn kế hoạch được kéo dài | Giải ngân | | | Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có) | Vốn kế hoạch năm quyết toán | Giải ngân | | | Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có) | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | Tổng số | Thanh toán KLIHT | Vốn tạm ứng | | | Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có) | Tổng số | Thanh toán KLIHT | | Vốn tạm ứng | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=12+13 | 12 | 13 | 14 | 15=10-11-14 | 16 | 17=18+19 | 18 | 19 | 20 | 21=16-17-20 | 22 | 23=9+12+18 | 24=7-8-9+13+19 | 25=6-8+11+17-22 | |
| TỔNG SỐ | | | | 4.333.050.614.811 | 450.462.341.999 | 81.556.876.238 | 162.447.100 | 44.870.906.446 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 184.047.711.878 | 179.659.329.612 | 118.755.002.906 | 60.904.326.706 | 0 | 4.388.382.266 | 25.500.765 | 163.625.909.352 | 97.427.849.398 | 629.933.723.746 | |
| Vốn trong nước | | | | 4.333.050.614.811 | 450.462.341.999 | 81.556.876.238 | 162.447.100 | 44.870.906.446 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 184.047.711.878 | 179.659.329.612 | 118.755.002.906 | 60.904.326.706 | 0 | 4.388.382.266 | 25.500.765 | 163.625.909.352 | 97.427.849.398 | 629.933.723.746 | |
| A Các dự án thuộc kế hoạch năm 2025 | | | | 4.333.050.614.811 | 450.462.341.999 | 81.556.876.238 | 162.447.100 | 44.870.906.446 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 184.047.711.878 | 179.659.329.612 | 118.755.002.906 | 60.904.326.706 | 0 | 4.388.382.266 | 25.500.765 | 163.625.909.352 | 97.427.849.398 | 629.933.723.746 | |
| I Ngân sách thành phố | | | | 4.333.050.614.811 | 450.462.341.999 | 81.556.876.238 | 162.447.100 | 44.870.906.446 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 184.047.711.878 | 179.659.329.612 | 118.755.002.906 | 60.904.326.706 | 0 | 4.388.382.266 | 25.500.765 | 163.625.909.352 | 97.427.849.398 | 629.933.723.746 | |
| LI Nguồn ngân sách thành phố | | | | 4.333.050.614.811 | 450.462.341.999 | 81.556.876.238 | 162.447.100 | 44.870.906.446 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 184.047.711.878 | 179.659.329.612 | 118.755.002.906 | 60.904.326.706 | 0 | 4.388.382.266 | 25.500.765 | 163.625.909.352 | 97.427.849.398 | 629.933.723.746 | |
| 1 Các hoạt động kinh tế | | | | 3.646.292.529.811 | 315.143.685.869 | 56.912.251.320 | 162.447.100 | 22.165.694.728 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 72.306.046.327 | 68.966.139.554 | 60.960.724.642 | 8.005.414.912 | 0 | 3.339.906.773 | 18.655.765 | 83.126.419.370 | 42.589.524.404 | 383.928.722.558 | |
| | Mở rộng đường Vĩnh đại 3: đoạn Mai Dịch- Cầu Thăng Long (phần GPMB do UBND phường Cầu Giấy làm Chủ đầu tư công tác GPMB) | KBNN - KV1 | 7235345 | 3.113.000.000.000 | 191.623.908.363 | 790.194.332 | 0 | 7.520.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3.208.000.000 | 3.208.000.000 | 2.978.361.148 | 229.638.852 | 0 | 0 | 0 | 2.985.881.148 | 1.012.313.184 | 194.831.908.363 | |
| 2 | Xây dựng HTKT đê đầu giá QSD đất khu đất 3ha phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm | KBNN - KV1 | 7524051 | 57.914.000.000 | 462.900.858 | 53.652.858 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 53.652.858 | 462.900.858 | |
| | Xây dựng tuyến đường nối từ đường Đức Diễn đi khu thiết chế công, phường Phú Diễn | KBNN - KV1 | 7575434 | 107.292.336.811 | 32.862.215.361 | 11.885.764.160 | 154.913.850 | 4.624.183.310 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 16.000.000.000 | 15.376.496.578 | 15.010.286.728 | 366.209.850 | 0 | 623.503.422 | 0 | 19.634.470.038 | 7.472.876.850 | 48.083.798.089 | |
| | Xây dựng đường vào trường mầm non Phú Diễn A, phường Phú Diễn | KBNN - KV1 | 7713284 | 14.260.987.000 | 9.854.310.930 | 20.090.000 | 5.930.000 | 14.160.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 14.160.000 | 0 | 9.848.380.930 | |
| | Cải tạo, chỉnh trang , sửa chữa tuyến đường Phú Diễn, Trại Gà, Phường Phú Diễn | KBNN - KV1 | 7783805 | 73.057.361.000 | 26.832.990.410 | 21.035.957.818 | 0 | 8.434.976.818 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 7.700.000.000 | 7.700.000.000 | 7.699.942.250 | 57.750 | 0 | 0 | 0 | 16.134.919.068 | 12.601.038.750 | 34.532.990.410 | |
| | Cải tạo, chỉnh trang các tuyến ngõ có chiều dài L<50m,bề rộng B<2m, phường Phú Diễn | KBNN - KV1 | 7980762 | 7.280.000.000 | 4.403.134.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 601.080.327 | 601.080.327 | 601.080.327 | 0 | 0 | 0 | 18.655.765 | 601.080.327 | 0 | 4.985.558.562 | |
| | Xây dựng tuyến đường giúp khu đầu giá 2,55 ha Phúc Diễn | KBNN - KV1 | 8035923 | 29.030.569.000 | 7.159.754.635 | 4.650.734.250 | 1.603.250 | 3.500.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | 6.984.741.940 | 15.258.060 | 0 | 0 | 0 | 10.484.741.940 | 1.164.389.060 | 14.158.151.385 | |
| | Xây dựng tuyến đường nối ngõ 193 Phú Diễn đến khu đầu giá 2,55 ha phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm | KBNN - KV1 | 8035924 | 12.836.000.000 | 5.298.228.300 | 3.391.299.260 | 0 | 1.976.321.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4.200.000.000 | 4.200.000.000 | 4.200.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 6.176.321.000 | 1.414.978.260 | 9.498.228.300 | |
| | Cải tạo, mở rộng ngõ 193 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn | KBNN B | 8060041 | 43.287.000.000 | 9.384.591.030 | 6.561.688.860 | 0 | 1.375.714.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 7.011.102.800 | 2.988.897.200 | 0 | 0 | 0 | 8.386.816.800 | 8.174.872.060 | 19.384.591.030 | |
| | Xây dựng đường giao thông kết hợp công thoát nước tuyến đường TDP 1, 2 phường Phúc Diễn | KBNN - KV1 | 8061425 | 48.586.221.000 | 10.796.949.982 | 7.260.027.182 | 0 | 969.977.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 7.000.000.000 | 6.999.999.170 | 6.671.474.370 | 328.524.800 | 0 | 830 | 0 | 7.641.451.370 | 6.618.574.982 | 17.796.949.152 | |
| | Cải tạo, chỉnh trang đường, rãnh thoát nước một số tuyến ngõ TDP 1, 2, 3, phường Phúc Diễn | KBNN - KV1 | 8061550 | 8.805.000.000 | 8.203.662.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 432.941.000 | 432.941.000 | 432.941.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 432.941.000 | 0 | 8.636.603.000 | |
| | Xây dựng đoạn đường nối từ Khu tập thể Giáo dục quận UBND phường Cầu Giấy đến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài | KBNN - KV1 | 8084580 | 4.323.246.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.500.000.000 | 2.334.321.040 | 1.965.544.040 | 368.777.000 | 0 | 165.678.960 | 0 | 1.965.544.040 | 368.777.000 | 2.334.321.040 | |
| | Xây dựng đoạn đường nối từ Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội đến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài | KBNN - KV1 | 8086280 | 10.611.394.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4.300.000.000 | 2.381.221.000 | 1.391.045.000 | 990176000 | 0 | 1.918.779.000 | 0 | 1.391.045.000 | 990.176.000 | 2.381.221.000 | |
| | Xây dựng tuyến đường phân Tây dự án Goldmark City nối ra đường Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm | KBNN - KV1 | 8086999 | 29.992.883.000 | 261.040.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 0 | 1.000.000.000 | 0 | 0 | 0 | 1.000.000.000 | 1.261.040.000 | | |
| | Cải tạo chỉnh trang kê lan can ao Bìa Đức Diễn, phường Phúc Diễn | KBNN - KV1 | 8097826 | 7.847.000.000 | 5.000.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 922.025.000 | 922.025.000 | 922.025.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 922.025.000 | 5.922.025.000 | | |
| | Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước các tuyến ngõ của phố Phú Kiều, phố Đình Quán và một số tuyến ngõ khác trên địa bàn phường Phúc Diễn | KBNN - KV1 | 8111132 | 6.947.000.000 | 3.000.000.000 | 1.262.842.600 | 0 | 1.262.842.600 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3.735.000.000 | 3.661.504.559 | 3.661.504.559 | 0 | 0 | 73.495.441 | 0 | 4.924.347.159 | 0 | 6.661.504.559 | |
| | Xây dựng tuyến đường từ đường Trần Vỹ vào trường FTTN tại ô đất ký hiệu F/THPT1 phường Mai Dịch | KBNN - KV1 | 8151384 | 59.262.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.196.000.000 | 665.052.880 | 665.052.880 | 0 | 0 | 530.947.120 | 0 | 665.052.880 | 0 | 665.052.880 | |
| | Cải tạo hệ thống đường, thoát nước ngõ 132, 144, ngõ 14424, 14436 Mai Dịch, ngõ 655, 6553 phố Mai Dịch | KBNN - KV1 | 8155931 | 6.463.532.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2.142.000.000 | 2.142.000.000 | 424.124.600 | 1.717.875.400 | 0 | 0 | 0 | 424.124.600 | 1.717.875.400 | 2.142.000.000 | |

| STT | Nội dung | Địa điểm mở tài khoản | Mã dự án đầu tư | Tổng mức đầu tư | Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm 2025 | | Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước năm trước chỉnh giảm trong năm quyết toán | Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán | Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 | | | | | Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm 2025 | | | | | Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN...(không bao gồm số vốn đã nộp giảm trừ tại cột 8) | Tổng cộng vốn đã thanh toán KLHT quyết toán trong năm 2025 | Lấy kế vốn tạm ứng theo chế độ hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau | Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2025 | | |
|-----|----------|-----------------------|-----------------|-----------------|---|---|---|--|--|-----------|-----------------|-------------|---|---|---|----------|-----------------|--|--|--|---|---|----------------|-----------------|
| | | | | | Tổng số | Tr.đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi | | | Vốn kế hoạch được kéo dài | Giải ngân | | | Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có) | Vốn kế hoạch năm quyết toán | Giải ngân | | | Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân sang năm sau năm 2025 (nếu có) | | | | | | |
| | | | | | | | | | | Tổng số | Thanh toán KLHT | Vốn tạm ứng | | | Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có) | Tổng số | Thanh toán KLHT | | | | | | Vốn tạm ứng | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=12+13 | 12 | 13 | 14 | 15=10-11-14 | 16 | 17=18+19 | 18 | 19 | 20 | 21=16-17-20 | 22 | 23=9+12+18 | 24=7-8-9+13+19 | 25=6-8+11+17-22 |

TỔNG HỢP CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2025

Đơn vị: đồng

| STT | Tên Quỹ | Dư nguồn đến ngày 31/12/2024 | Tổng cộng | | | | | | | | Dư nguồn đến 31/12/2024 |
|-----|------------------------------------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------|
| | | | Kế hoạch năm 2025 | | | | Thực hiện năm 2025 | | | | |
| | | | Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm | | Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm | Chênh lệch nguồn trong năm | Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm | | Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm | Chênh lệch nguồn trong năm | |
| | | | Tổng số | Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có) | | | Tổng số | Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có) | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=2-4 | 6 | 7 | 8 | 9=6-8 | 10=1+6-8 |
| | TỔNG CỘNG | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.846.526.962 | 0 | 556.300.000 | 1.290.226.962 | 1.290.226.962 |
| 1 | Đền ơn đáp nghĩa | | | | | | 591.383.066 | | 246.800.000 | 344.583.066 | 344.583.066 |
| 2 | Vì người nghèo | | | | | | 1.081.196.170 | 0 | 309.500.000 | 771.696.170 | 771.696.170 |
| 3 | Chăm sóc người cao tuổi | | | | | | 170.813.947 | | | 170.813.947 | 170.813.947 |
| 4 | Quỹ nhân đạo từ thiện, chữ thập đỏ | | | | | | 762.717 | | | 762.717 | 762.717 |
| 5 | Quỹ chăm sóc trẻ em | | | | | | 2.248.953 | | | 2.248.953 | 2.248.953 |
| 6 | Quỹ khuyến học | | | | | | 122.109 | | | 122.109 | 122.109 |

UBND PHƯỜNG PHÚ DIỄN**Phụ lục số 10****TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2025
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)***DVT: Đồng*

| STT | Nội dung | Thực hiện năm 2025 | Ghi chú |
|------------|--|---------------------------|----------------|
| | TỔNG SỐ | 16.801.707.710 | |
| 1 | Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 14.505.050.109 | |
| - | <i>Sự nghiệp giáo dục</i> | 14.505.050.109 | |
| 2 | Sự nghiệp khoa học và công nghệ | | |
| 3 | Sự nghiệp y tế | | |
| 4 | Sự nghiệp văn hóa thông tin | | |
| 5 | Sự nghiệp phát thanh truyền hình | | |
| 6 | Sự nghiệp thể dục thể thao | | |
| 7 | Sự nghiệp kinh tế | 2.296.657.601 | |
| - | <i>Thu giá dịch vụ tại chợ</i> | 2.296.657.601 | |